ĐỒNG-BÀO TA PHẢI NÊN MUA VÉ QUỐC-TRÁI!

Nhà nước cần đến tiền,
Nhà nước gọi đến ta,
Ta không giúp Nhà nước,
Để tiền làm chi mà?
Ăn tiêu phung phá, có ích cho ai ?
Giúp vào việc công, thực lợi cho nước !

Lợi nhà nước tức là lợi cho dân ta, vì nhà nước Đại-Pháp có thắng trận thì mới làm được những sự-nghiệp hay cho người nước Nam được nhờ, mà chuyến này nhà nước phát giấy vay tiền thực là để đánh rấn cho toàn-thắng đó.

Ta nên hết sức giúp vào cuộc toàn-thắng ấy, mai sau tất được đền công bội phần !

Kẻ giúp công người giúp của. Kẻ giúp công đã có hàng nghìn hàng vạn con trai Hồng-Lạc, hằng ngày vượt bể sang Mẫu-quốc để đem cái chân khỏe tay mạnh mà giúp việc binh việc thợ. Còn người giúp của thì những ai?

Người giúp của tức là cả quốc-dân ta đó!

Nào là các quan ăn bổng-lộc, hưởng phú-quí, phải nghĩ đến Ân-quốc đã cho mình được như thế. Các quan phải mua vé quốc-trái !

Nào các thầy làm việc nhờ nhà nước mà được danh-giá. Các thầy phải mua vé quốc-trái !

Nào là bậc đại-công đại-thương, nhờ nhà nước mà các ông được buôn-bán làm ăn thịnh-vượng. Các ông phải mua vé quốc-trái!

Nào là cả quốc-dân ta, há lại không nhớ ơn bảo-hộ ư? Quốc-dân ta phải mua vé quốc-trái !

Kẻ ít người nhiều, ai cũng phải mua vé quốc-trái.

Kíp kíp mà mua, kẻo đến 24 tháng 11 tây này thì hết hạn!

Mua vé quốc-trái thực là làm một việc đại-nghĩa, mà lại mưu một việc đại-lợi nữa. Sao vậy?

Làm việc đại-nghĩa là giúp cho nhà-nước được toàn-thắng.

Mưu việc đại-lợi là cho vay ít, được lãi nhiều, kể là 4 phần, nhưng 100 quan chỉ phải trả có 70 quan 80 (70 fr. 80) thì thành ra thực lãi được đến ngót 6 phần (5 f. 65 %). Như thế chẳng là lời lắm ư?

Dám khuyên đồng-bào ta ai ai cũng nên làm việc đại-nghĩa, mưu việc đại-lợi ấy, chớ để mất một dịp vô-song.

Đồng-bào ta nên mua vé quốc-trái ! ! !

theo lời cũ của ông cha với một hạng người đã thiệp-liệp biết các khoa-học mới ngày nay, hai hạng người ấy cùng một loài, cùng một giống, cùng một cối-giễ, cùng một tổ-tiên, mà coi nhau hầu như cừu-địch, thậm-chí ngồi với nhau không thể nói hơn ba câu chuyện mà không phản-đối nhau? Cái cảnh « kỳ-khôi » ấy, dễ cả hoàn-cầu này không đâu có, chỉ riêng cho một nước Nam ta vậy. Về đường đó, ta có hơn hoàn-cầu thật, nhưng thiết-tưởng những người còn có chút tâm-huyết, không ai mong cái hơn khôn-nạn ấy làm gì! Vậy ta phải kíp phá cái ngộ-điểm lớn nó chia bọn thượng-lưu trong nước làm hai đảng nghịch nhau, và gây cho cái tư-tưởng trong quốc-dân được nhất-trí.

Ấy cái chí của chúng tôi từ khi mới xuất-thế đến giờ là thế. Ngày nay tuy không phải là không cho cái vấn-đề đó làm quan-trọng như trước, mà xét kỹ ra còn một cái vấn-đề quan-trọng hơn nữa. Mong cho người mới kẻ cũ hòa-hợp với nhau còn gì hay bằng, nhưng mong cho kẻ Bắc người Nam tin yêu nhau, một lòng một dạ với nhau mà mưu cho giống nhà một ngày một tiến-hóa hơn lên, tưởng không những là một sự hay mà lại là một sự cần nữa. Sao mà cần? Cần là người một nước đã không biết thương yêu nhau, đã có lòng hiềm-kỵ nhau, đã không biết nhận nhau là một giống một nòi, lại lấy lòng dạ Bắc Nam mà đãi nhau, thì nước ấy cùng-kiếp cũng không ra khỏi cái địa-vị yếu hèn, dẫu có thầy tài bạn giỏi dìu-dặt mà chăm nom cho cũng không thể nào dạy cho thành một dân-quốc hoàn-toàn được. Cái đó mới thật là quan-trọng, cái đó mới thật là cần-cấp, chớ mấy ông nho-học với mấy thầy tây-học không ưa nhau chưa có hại gì đến cái cuộc tương-lai của nước nhà cho lắm.

Đất Việt-Nam ta tuy địa-thế chia ra ba kỳ mà nhân-dân thực là một giống. Bắc-kỳ là nơi phát-tích của giống Lạc-Hồng: bà Trưng-vương, ông Lê-tổ, hồ Lãng-bạc, núi Lam-sơn, người An-nam nào là không thuộc những tên người tên đất ấy? Trung-kỳ là chỗ căn-cứ của Bản-Triều: Thuận-hóa Phú-xuân là cái bước đường lớn nhất của giống An-nam ta trong cuộc bành-trướng về phía nam. Đến như Nam-kỳ là đất khai-thác sau cùng cả, mà là cái kết-quả chót của cuộc bành-trướng kia. Ngẫm cả lịch-sử nước Nam mình tự-hồ như một cái dòng sông lớn chảy tự Bắc chí Nam, mà trong hai mươi thế-kỷ lần lần tấm-thấm hết một dải đất Đông-dương này. Nhưng cái công phá rừng mở núi, tiếp suối khai kinh, cho cái sông kia được thuận dòng mà xuôi chảy tới bể Nam, là công-nghiệp của đức Thế-tổ-Cao-hoàng triều Nguyễn ta, ngài đã đánh đông dẹp bắc, từng trải gian-nan, mà gây dựng nên cái nền Đại-Việt ngày nay. Vậy đến Bản-Triều là cái cuộc lịch-sử của nước Nam đã trọn vẹn, giống An-nam đã chiếm-cứ được một khu-vực đủ rộng cho cái sức bành-trướng của mình,

chế-độ, tư-tưởng, phong-tục trong quốc-dân từ Bắc chí Nam đã hầu được nhất-trí, từ nay chỉ việc tuần-tự mà tiến-hóa lên cho thành một nước phú-cường trong thế-giới. Nhưng chẳng may cho giống mình, các vua kế-nghiệp đức Cao-hoàng không kế được cái chí to-tát của ngài, nên cuộc tiến-hóa của dân ta đã lỡ mất một khoảng năm sáu mươi năm trời, mà lỡ mất một khoảng ấy là làm trở-ngại khó-khăn cho sự tiến-hóa về sau này không biết bao nhiêu mà kể vậy. Sự giản-cách kẻ Nam người Bắc thực là khởi-điểm từ đấy. Tiếc thay!

Kịp đến khi nhà nước Đại-Pháp sang chinh-phục đất này thì tới Nam-kỳ trước nhất, cái công giáo-dục khai-hóa của nhà nước người xứ Nam được hưởng đầu cả. Rồi cách hai ba mươi năm mới đến Bắc-kỳ, rồi sau cùng mới đến Trung-kỳ. Thành ra ba xứ mới liên-lạc làm một chưa đầy một nửa thế-kỷ đã phân lìa làm ba. Sự đó là bởi cái tình-thế khiến nên như thế, chẳng phải lỗi tại ai.

Từ đó ba xứ cùng một giống người mà hầu như cách-biệt nhau. Về đường chính-trị mỗi xứ có một thể-chế riêng. Về đường xã-hội mỗi xứ tiến-hóa theo một phương-hướng khác nhau. Lòng người cũng dần dần xa nhau, người Bắc kẻ Nam coi nhau như kẻ Tàu người Việt. Không những không có chút cảm-tình gì với nhau, mà thường có khi coi nhau hầu như cừu-địch!

Đất Nam-kỳ là đất khai-thác sau cùng mà lại là nơi được hưởng cái văn-minh mới trước nhất. Cũng vì chưa thấm cái phong-hóa cũ nhiều nên mới dễ nhiễm cái phong-hóa mới chóng. Ngày nay sánh với Bắc-kỳ Trung-kỳ thì về đường âu-hóa Nam-kỳ là có tiến-bộ hơn cả. Bắc-kỳ Trung-kỳ là nơi đất cũ, còn mang cái di-truyền của lịch-sử nặng quá, chưa thể nhất-đán vứt bỏ ngay đi được, nên trong đường cải-lương còn có phần chậm kém Nam-kỳ một chút. Thành ra một đằng thì cái văn-vẻ mới đã có mà cái nền-nếp cũ không còn, một đằng thì cái nền-nếp cũ vẫn còn mà cái văn-vẻ mới chưa khắp. Bởi sự tiến-hóa khác nhau ấy mà người Nam người Bắc coi nhau như dân hai nước, không phải là con một nhà. Người Bắc chê người Nam là sôc-nổi, người Nam cười người Bắc là hủ-bại. Chê nhau hoài, cười nhau hoài, mà trước sau vẫn là chưa biết nhau, chưa hiểu nhau chút nào.

Cái tình-trạng ấy thực là hại cho đường tiến-hóa của nước Nam ta nhiều lắm. Nhưng xét kỹ ra, dân trong ba cõi dẫu xa cách nhau thế nào, vẫn có cái mối liên-lạc vô-hình, là tình người một giống. Mối liên-lạc ấy dù đến thế nào cũng không tiêu mòn đi được, vì nó ở trong máu người, chớ không phải ở thói đời khinh bạc. Đức Cao-hoàng ta dựng ra cái nền Đại-Việt này thực đã có trí sáng-suốt mà biết cái mối vô-hình ấy mạnh là dường nào. Trong chí ngài muốn hợp Nam Bắc làm một nhà là để lấy người Nam

và người Bắc mà dung-hòa lẫn nhau, bổ-cứu lẫn nhau, vì ngài đã thâm-hiểu cái tâm-lý của dân hai xứ mà biết rằng cái hay cái dở của hai bên có thể đáp đổi cho nhau được, khiến cho trình-độ quốc-dân không đến nỗi thấp lắm. Tiếc thay chí ngài chưa thành mà bước nước đã gặp lắm phen nhiều việc.

Kịp đến ngày nay, quan Toàn-quyền SARRAUT đã chiêm-nghiệm dân-tình quốc-thể mà xướng ra cái chủ-nghĩa thống-nhất, thực là kế được cái chí lớn-lao của đức Cao-hoàng ta, cái chí ấy lần này nhờ công chính-trị của Đại-Pháp chắc là có cơ thành-tựu. Nhưng cái chủ-nghĩa của quan Toàn-quyền có thể thi-hành về đường chính-trị, đường giáo-dục được, mà về đường xã-hội, đường tư-tưởng thì là phần quốc-dân ta, nhất là phần của bọn thượng-lưu trí-thức trong quốc-dân ta phải hết sức cổ-võ cho thành.

Ấy cái nghĩa-vụ lớn nhất, cái trách-nhiệm trọng nhất của báo-giới ta là đấy. *Nam-phong tạp-chí* chúng tôi cũng muốn ra đương một phần nghĩa-vụ, gánh một phần trách-nhiệm ấy. Cái chương-trình của chúng tôi từ nay có rộng hơn xưa nhiều. Chúng tôi không một là chủ điều-hòa hai bọn tân-học cựu-học, mà lại muốn làm cái cơ-quan để thông-nhất cả tư-tưởng của người xứ Bắc xứ Nam nữa. Chúng tôi muốn làm cái tạp-chí chung cho cả bọn thượng-lưu trong nước Nam, không phân kẻ học cũ người học mới, người đàng trong kẻ đàng ngoài.

Vậy từ nay *Nam-phong* sẽ mở rộng cho hết thảy mọi người có học-thức, có tư-tưởng trong tam-kỳ, ai muốn gởi bài nghị-luận về sự gì có ích lợi cho quốc-dân cũng được, dù là viết bằng quốc-văn, hán-văn hay là pháp-văn cũng được cả. Chỉ xin yêu-cầu các ngài một điều, là phải theo cái thể tạp-chí của chúng tôi, nghĩa là phải nghị-luận cho chánh-đáng, và không nên dùng những lối văn-chương bỉ-lý. Vì *Nam-phong* là thuộc thể tạp-chí, không phải thể nhật-báo, nên không thể nhận được những bài văn chơi đùa bỡn cợt, hoặc những bài có ý bài-bác chỉ-trích người ta. Ngoài cái đó, ai muốn nghị-luận khảo-cứu về sự gì có ích-lợi cho tư-tưởng quốc-dân, chúng tôi cũng sẵn lòng hoan-nghênh cả.

Nam-phong từ nay tự-nguyện làm cái tạp-chí chung cho cả người An-nam hiếu-học ham biết, không phân đảng-phái gì cả. Xin quốc-dân trong Nam ngoài Bắc nhận-chân mà chiếu-cố cho.

NAM-PHONG

(Bản-báo chủ-bút tháng trước có đi du-lịch Nam-kỳ, sô sau sẽ có bài du-ký đăng báo).

LUẬN-THUYẾT

BÀN VỀ VIỆC CHIẾN-TRANH

Đồng-minh chiến-thắng

Cuộc chiến-tranh đã diên-man đến hơn bốn năm trời rồi, làm người đã coi việc chiến-tranh hầu như một việc thường, một việc hàng ngày mà không chú-ý đến lắm. Một là vì phàm sự gì đã quen dễ lấy làm thường, thấy chiến-tranh đã lâu quá coi như là một việc vẫn có xưa nay mà không đủ lấy làm lạ nữa. Hai là mình ở xa nơi binh lửa, nghe nói những nỗi lầm than cực khổ của kẻ chinh-phu người chinh-phụ, tưởng như đọc một bộ tiểu-thuyết nào mà không ngờ là chuyện thực hiện-nhiên. Lại thấy những lời nghị-luận về nguyên-nhân kết-quả sự chiến-tranh, coi như là những lời bàn suông về triết-lý, không có quan-thiết gì đến sự thực.

Song ai đã chịu khó nghĩ một chút, suy trước tính sau một chút, mới hiểu được hết cái nghĩa lớn-lao của sự chiến-đấu vô-song trong lịch-sử này. Những người ấy không ai là không biết rằng từ trung-tuần tháng bảy lấy tới nay, cái chiến-cục đã khuynh-hướng cả về phần Đồng-minh rồi, sự toàn-thắng không còn nghi ngờ gì nữa. Mấy tháng trước nghe tin quân Đức mỗi ngày một tiến, tưởng cái tình-thế cũng nguy chẳng kém gì hồi tháng 8 năm 1914. Nhiều người đã lo cho quân Đồng-minh chuyến này không thể nào vãn-hồi được nữa. Nhưng không ai ngờ rằng đó chính là cái mưu của các tướng Pháp : để cho quân địch vào sâu trong hàng trận mình, rồi mới quay lại đánh tập-hậu, tất lùi về không kịp mà bị thua to. Đại-tướng Foch làm thống-tướng cả các quân đội Đồng-minh ở mặt Pháp (Xem bài sau nói riêng về ngài), xét kỹ cái thế quân bên địch mà biết trước, bèn khởi ra cái mưu đó và xếp đặt sẵn các quân-đội để làm-thời ra quyết-chiến. Vì ngài dự-liệu rằng trận này tất là trận lớn nhất, cuộc thắng-bại là ở lúc này. Quả như vậy. Quân Đức tưởng Đồng-minh đã hư-háo, không đủ sức mà đương được nữa, thừa thế cứ xông mãi vào, không ngờ rằng tự mình lại đem mình ném vào trong vực sâu vậy.

Trong mấy tháng trời quân Đức tiến mãi. Trước đã đặt một cái hàng trận rất kiên-cố định cố chết mà chống lại với Đồng-minh, gọi là « hàng trận Hindenburg » (*la ligne d'Hindenburg*, lấy tên của thống-tướng Đức), không mong có thể vượt ra ngoài được nữa. Thế mà trong mấy tháng ấy quân Đức không những ra ngoài được hàng trận ấy, mà lại sẵn được vào sâu trong hàng quân Pháp nữa. Bây giờ tưởng lại khởi-phục được cái mộng

cuống năm 1914, tưởng không bao lâu lại tiến được đến kinh-đô Paris, lần này quyết cướp cho được, chớ không chịu bỏ như lần trước. Thế-giới đã phập-phồng lo thay, lo rằng cái vận-mệnh của cuộc văn-minh trong thiên-hạ có lẽ lại đến ngày nguy to mất.

Quân Đức tiến lên ba chỗ, như ro cánh tay muốn ôm chặt lấy quân Pháp quân Anh vậy. Coi cái địa-đồ đính theo đây thì rõ. Một cánh tay đã đưa đến Montdidier, một cánh đưa đến Château-Thierry, còn một cánh nữa ngắn hơn, ở giáp giới đất Lorraine thì mới thò được đến Saint-Mihiel. Ba cánh tay ấy mà dương dài mãi ra, liền tiếp được với nhau thì còn gì là quân Đồng-minh, còn gì là kinh-đô Pháp! Nhưng thống-tướng Focn đã tiên-liệu cả rồi, có đâu lại để cho quân Đức hành-động một cách dung-dị như thế! Cái mơ-tưởng của quân cường-bạo, rút lại cũng vẫn là cái mơ-tưởng mà thôi, càng ngông cuồng bao nhiêu lại càng vô-hiệu bấy nhiêu, có đâu thành sự thực được! Quả-nhiên Đồng-minh cứ để cho quân địch tiến vào, nhưng ở giữa khoảng mỗi cánh tay của quân Đức vươn ra ấy đã phục sẵn những binh hùng tướng giỏi, chỉ đợi ngày đợi giờ mà áp-đảo hai bên như cái kìm cặp vậy. Thành ra quân Đức không những không lấy cánh tay bóp bẹp được quân Đồng-minh, mà chính mình lại đưa tay mình vào trong cái kìm của quân Pháp Anh vậy. Từ ngày 14 tháng 7 là ngày hội kỷ-niệm nước Pháp, lại vừa là ngày kỷ-niệm một cuộc đại-thắng của quân Pháp, cái kìm oan-nghiệt cho quân Đức kia càng ngày càng cặp, càng ngày càng nghiến, mà đã biến mấy mươi vạn tinh-binh của giống Điêu-đương thành một đống thịt nát máu tanh! Cái mưu lớn của quân Đức muốn lấy Paris lần nữa, nay đã tan ra gió ra mây rồi, mà bị súng đại-bác của quân Pháp quân Anh tiễn đưa về rừng rậm đất Nhật-nhĩ-man!

Từ đây quân Đồng-minh mới càng đánh riết, làm cho Đức hại mất 150 vạn quân, 4 ngàn khẩu đại-bác, còn những đồ quân-dụng không biết bao nhiêu mà kể. Mấy tháng trước cả thế-giới lo cho Đồng-minh bao nhiêu, nay mừng cho Đồng-minh bấy nhiêu, và không ai thấy cái sô tổn-hại của quân Đức to dữ như thế mà không nói: « Đáng kiếp thay! »

Thật là đáng kiếp cho cái giống tham-tàn đã mơ-mộng muốn đem cả thế-giới vào chốn lao-lung để mưu sự phú-cường cho một mình. Đáng kiếp thay!

Mới điện-tín gần đây thì quân Pháp đã chiếm được thành Saint-Quentin và tiến đến bờ sông Oise. Về phía Bắc thì quân địch không thể đứng được nữa phải bỏ thành Lens, thành Douai, và mới rồi bỏ cả thành Cambrai là nơi rất trọng-yếu trong « hàng-trận Hindenburg ». Về phía Nam thì quân Pháp và quân Mĩ đã tiến đến gần các pháo-đài thành Metz là thủ-phủ đất Lorraine của Đức.

Trong tuần-lễ cuối tháng 9 tây có mấy việc quan-trọng thuộc về các mặt quân khác, cũng nên ghi nhớ:

Phần đất Pháp, quân Đức hiện còn chiếm cứ.
Phần đất đã thu phục được từ ngày 14 Juillet 1918.
Phần đất của quân Pháp chiếm được ở ngoài địa giới
ELGIQUE
ALLEMAGNE
Cambrai
St Quentin
Soissons
Reims
Verdun
LORRAINE
Metz
Quân Pháp
Quân Mĩ
Belfort
SUISSE
Mulhouse

Thuộc về mặt trận Balkans (mặt Đông), bấy lâu nay không có hành-động gì, nay quân Serbes (Tắc) nhờ có quân Pháp giúp, tiến lên được 150 kilomètres. Quân Grecs (Hi-lạp) đã sửa-sang lại rồi, không mấy nỗi nữa mà ra giúp được Đồng-minh.

Về mặt Palestine thì quân Turcs (Thổ) bị quân Anh của tướng ALLENBY đánh dữ quá, mất 4 vạn 2 ngàn tù-binh, 260 khẩu đại-bác. Trong lúc nguy-hiểm cho quân Thổ ấy, không hề thấy Đức Áo đến cứu-viện : xem đó thì đủ biết bọn kia hiện giữ mặt tây cũng còn không xong, lấy đâu quân thừa mà sang giúp mặt đông được.

Về mặt Sibérie (Tây-bá-lợi-á) thì dân Tchéco-Slovaques phản-đối với bọn cách-mệnh Nga (Bolchevicks) đã bội ước mà về bè Đức, dấy quân lên đánh, nay nhờ có quân Nhật-bản và quân Đồng-minh sang giúp đã tiến được nhiều. Mong rằng chẳng bao lâu đuổi được hết ra khỏi địa-giới Nga những quân Đức làm càn cùng bọn Nga phản-quốc.

Nước Bulgarie thì thế cùng đã quỳ gối xin hòa với Đồng-minh rồi. Bulgarie đã xin hòa thì Turquie sớm trưa cũng phải theo, vì không được liên-tiếp với đảng Đức-Áo nữa, thế có chắc không sao đứng nổi.

Như thế thì chẳng bao lâu Đồng-minh sẽ được thư-thái về phía Đông và tập-hợp cả binh-lực về phía Tây, để đánh cái trận đại-quyết-chiến nay mai.

Đảng Đức Áo vẫn thỏ-thẻ dở cái bài hát cầu hòa ra, nhưng ai dại chi mà lắm tai nghe bọn đó. Chỉ có những giống mê cuồng như lũ cách-mệnh Nga mới bị mưu mà mắc lừa thôi. Còn Đồng-minh thì nay đã tháng thế, tất vững lòng mà đánh cho đến ngày toàn-thắng. Đến ngày ấy mới thật có thể hòa được, chớ hòa trước là hòa giả mà thôi. Vì cái hòa của Đức là cái hòa theo cường-quyền, cái hòa ấy thiên-hạ đã biết cả rồi, còn ai mắc lừa nữa! Cái hòa của Pháp, cái hòa Đồng-minh mới thật là chân-chánh, vì là hòa theo công-lý, công-nghĩa, muốn cho thiên-hạ ra khỏi vòng nô-lệ của một giống hung-cường, mà từ sau này được hưởng cái hạnh-phúc vô-cùng của sự thái-bình an-lạc!

N. P.

Quốc-trái nên mua,
ấy là việc nghĩa, ấy là việc lợi,
ấy là giúp Bảo-hộ chiến-thắng,
ấy là mưu Tổ-quốc miên-trường!
Ai ôi! xin chớ có quên!!

BÀN VỀ SỰ VAY TIỀN CHO VIỆC CHIẾN-TRANH VÀ CUỘC QUỐC-TRÁI NGÀY NAY

Trong lúc thiên-hạ hòa-bình thì các chánh-phủ lấy tiền sưu-thuế mà chi dùng về các khoản tiêu thường trong nước. Đến khi chiến-tranh thì tiền sưu-thuế không đủ nữa, vì bây giờ các khoản kinh-phí lớn-lao quá, không thể sánh với lúc bình-thường được. Vậy thế tất phải vay tiền mới đủ tiêu. Từ khi khởi việc chiến-tranh ngày nay, hết thảy các nước có phần trong cuộc lớn đều đã nhiều phen phải vay tiền để chi việc quân. Vay ít lần hay vay nhiều lần, số vay được bao nhiêu, sự vay dễ hay khó, xét bấy nhiêu điều thì đủ biết cái sức lý-tài của mỗi nước hơn kém nhau đường nào, mà cái sức lý-tài ấy thực là giúp cho cuộc chiến-thắng cũng chẳng kém gì sức quân-đội vậy.

Trong mấy địch-quốc của Đồng-minh thì ba nước Autriche-Hongrie, Bulgarie[1] và Turquie, đã cùng-quẫn lắm rồi. Đã từng vay nợ nhiều phen và cầm đợ hết cả của cải. Hiện nay không còn vốn liếng gì nữa, chỉ còn trông vào nước Đức trợ-cấp được chút nào hay chút nấy mà thôi. Mà nước Đức thì từ đầu tới nay đã từng vay *chín lần quốc-trái*, cái sức lý-tài đã sụt đi nhiều lắm rồi.

Đến như nước Pháp cùng các bạn Đồng-minh thì là những nước vẫn giàu sẵn, lại được đường kinh-tế vốn thịnh-vượng, nên đã từng trải bốn năm chiến-đấu rất kịch mà cái sức lý-tài chưa lấy gì làm hao-tổn cho lắm. Nước Ý mới vay quốc-trái có năm lần, nước Anh bốn lần, nước Mĩ bốn lần, còn nước Pháp thì *mới có ba lần mà thôi*, vì cuộc lý-tài trong nước vẫn còn vững bền lắm. — Nước Pháp, nước Anh và nước Mĩ vẫn đã có tiếng là ba nước giàu nhất trong thế-giới.

Nước Pháp mỗi tháng chi dùng về việc chiến-tranh trước là một ngàn năm trăm triệu quan tiền tây (1 milliard 1/2), rồi dần dần tăng tới hai ngàn và ba ngàn triệu (tính ra bạc Đông-dương ta ước vào 640 triệu đồng). Tổng-cộng tiền kinh-phí về chiến-tranh trước sau ngoại 125 ngàn triệu quan tiền tây (ước 27 ngàn triệu đồng bạc).

Tuy vậy mà nước Pháp chỉ mới vay có ba lần, vay ít hơn cả các chiến-quốc khác. Bởi sao mà được như thế? Thứ nhất là bởi nước Pháp là một nước giàu có lạ thường; thứ nhì là bởi nước Pháp có một nhà ngân-hàng tốt nhất trong thế-giới: tức là nhà « Pháp-quốc đại ngân-hàng » (*la Banque de France*).

Nhà « Pháp-quốc đại ngân-hàng » muốn giúp Nhà-nước trong cuộc chiến-tranh đã cho Nhà-nước vay hai mươi ngàn triệu quan tiền tây, lại phát ra ba mươi ngàn triệu giấy bạc. Còn ba lần quốc-trái năm 1915, 1916, 1917 thì đã thu được cả thảy là ba mươi ngàn triệu. Lại tiền bán những

(1) Bulgarie thế cùng đã phải xin hòa hồi cuối tháng trước rồi.

trái-phiếu có kỳ-hạn (hoặc sáu tháng, hoặc một năm, hoặc năm năm), và có thể đổi lại được (*bons et obligations à court terme renouvelables*) thu được cả thảy là hai mươi ngàn triệu. Còn thiếu bao nhiêu thì lấy ở tiền sưu-thuế.

Song cuộc chiến-tranh tới nay chưa kết, muốn đánh cho đến ngày kết-cục, còn phải cần tiền nữa, phải cần tiền nhiều nữa. Cho nên nước Pháp ngày nay lại mở một lần quốc-trái nữa trong khoảng cuối năm 1918 này, mong nhờ cả con dân trong nước, con dân các thuộc-địa cùng cả các dân bảo-hộ đem tâm giúp vào cho được thành hiệu-quả to.

Không phải là một mình nước Pháp phải mở quốc-trái một lần này nữa. Nước Anh nước Mĩ cũng đều phải vay thêm như nước Pháp cả. Nhưng về phần nước Anh thì dẫu cũng phải vay thêm như nước Pháp mà có điều lợi hơn nước Pháp, là không cần phải hỏi vay các thuộc-địa của mình, các thuộc-địa tự đem tiền của mà công-hiến cho mẫu-quốc.

Nay hãng thử xét những thuộc-địa Anh ở Á-châu là những đất ở gần ta cả, như Tân-gia-ba (Singapore), Mã-lai (Etats Malais) và Ấn-độ (Inde), xem đã giúp cho việc quốc-trái của nước Anh được những gì.

Thuộc-địa Tân-gia-ba và Mã-lai thì đã mở ba lần công-trái, tổng-cộng được ước một trăm triệu *sterling* (tiền vàng Anh, tức là 66 triệu bạc Đông-dương), *đem hiến cả cho mẫu-quốc*. Có điều đó là lạ, nghĩa là cái tiền công-trái ấy *thuộc địa phải chịu*, như thế thì sau khi vay rồi thuộc-địa còn phải trả tiền lãi cho người cho vay, lại phải trả lần tiền gốc, tất phải đặt thêm thuế mới, mà thuế ấy lại là về phần người dân phải chịu. Chớ như quốc-trái ở bên Đông-dương này thì không phải thế. Nước Pháp vay đây là đứng tên mình mà đảm-nhận hết thảy, người dân Đông-dương sau khi cho vay không phải nộp thuế hơn trước một đồng su nhỏ nào, không những thế, lại được hưởng lời cái tiền mình đã xuất ra. Vậy cứ thiệt mà nói : dẫu người dân cho Nhà-nước vay có phải chịu khó-khăn chút đỉnh, sự khó-khăn ấy có đáng là bao nhiêu !

Không một thế mà thôi, thuộc-địa Tân-gia-ba và Mã-lai lại còn xin mẫu-quốc mỗi năm nộp một khoản tiền riêng để giúp vào việc chiến-tranh (*contribution de guerre*), Tân-gia-ba thì mỗi năm nộp 500.000 *sterling* (tức là 2 triệu 660 ngàn đồng bạc), Mã-lai thì mỗi năm nộp 1 triệu *sterling* (tức là 5 triệu 320 ngàn đồng bạc).

Đến như Ấn-độ giúp tiền cho nước Anh thì lại nhiều lắm hơn nữa.

Ấn-độ hiện nuôi một quân-đội lớn ở mặt trận Mésopotamie (Tiểu Á-tê-á), lại tự xuất tiền mua hết thảy các vật-liệu cần-dùng để cung-cấp cho nước Anh (mà tiền ấy tới hàng ngàn triệu quan tiền tây) ; sau nữa lại nộp cho nước Anh một khoản để giúp việc chiến-tranh tổng-cộng là một trăm triệu *sterling* (tức là 2 ngàn triệu 1/2 quan tiền tây, hay là tính ra bạc Đông-

dương là 532 triệu đồng bạc. Bây nhiêu thứ tiền đều là *đàng không cho mẫu-quốc*, cũng như ở Tàu-gia-ba, nghĩa là dân Ấn-độ phải đảm-đương hết thảy, nước Anh chỉ việc nhận tiền mà thôi.

Chắc rằng xứ Đông-dương ta còn chưa tới bậc cường-thịnh như Ấn-độ. Nhưng của cải trong nước đã thấy mỗi ngày một tăng lên nhiều, mà được thế là nhờ nước Pháp cai-trị giữ-gìn cho trong cõi được thái-bình. Thử hỏi từ trước tới nay, người dân Đông-dương đã thật xuất tiền xuất của ra công-hiến cho Đại-Pháp được bao nhiêu ? Xét kỹ ra thì từ những khoản nghĩa-quyên về việc chiến-tranh (Hồng-thập-tự, v. v.), thực là trước sau chưa được chút nào. Không phải rằng nhà-nước Pháp có mong gì dân Đông-dương cũng cúng tiền được nhiều bằng các thuộc-địa nước Anh đâu, vì thuộc-địa Anh vốn là những xứ giàu có lạ thường mới có thể cúng được nhiều đến thế. Nhưng nhà-nước trông rằng hết thảy nhân dân đều hết sức đem những tiền của dư-dật mà cho nhà-nước vay cho thật nhiều.

Ta cứ đọc mấy lời sau nay của ông bác-sĩ Batliwalla ở Bombay (Ấn-độ) thì đủ biết lòng dân Ấn-độ vui-vẻ sột-sáng mà đem tiền tiêu nhà-nước, ra công giúp nhà-nước là dường nào. Bác-sĩ nói rằng :

« Cuộc quốc-trái về chiến-tranh của Ấn-độ là do Chánh-phủ đề-xướng ra, ai cũng biết rằng cái chủ-ý là để cho dân Ấn-độ được một dịp tỏ cái ơn sâu nghĩa nặng với nước Đại-Anh, Chánh-phủ Ấn-độ đã hứa cho dân điều đó, để cho dân được nhân dịp này mà đem một chút đỉnh vào giúp nhà-nước trong cái cuộc chiến-tranh kinh-thiên động-địa này, chiến-tranh để bảo-tồn cho những dân yêu hèn, để gìn-giữ cho cái tự-do của thế-giới. Chánh-phủ bèn mở một cuộc quốc-trái lời 5 phần 1 2, thâu được cả thảy là 4 trăm triệu *sterling* (tức là 2 ngàn 5 trăm triệu quan tiền tây). Quốc-dân ta phải biết rằng ta xuất tiền cho việc quốc-trái không những là giúp được nhà-nước trong buổi khẩn tiền, không những là tỏ được cái lòng minh trung-thành với nhà-nước Anh, mà lại còn là làm một việc lợi cho mình nữa, vì đạt tiền như cách này vừa được lời mà vừa không gì chắc-chắn bằng, lại được cái thỏa trong lòng rằng tiền mình xuất ra đó là dùng để gìn-giữ cho người mình, cho nhà mình, cho họ mình, vì tất ai ai cũng đã rõ rằng nếu nhà-nước không phòng-bị các mặt bể cho ta, không đặt thủy-quân để ngăn-ngừa quân giặc khỏi tới xâm phạm ta, thời ta còn sống sao được, cũng lại đều chịu một thân phận như nước Tì, nước Tác, nước Lỗ, nước Nga mà thôi vậy.

« Vậy nên tôi nói rằng ta xuất tiền cho Nhà-nước vay, tức là dùng cái tiền dư-dật của ta để mà giữ gìn cho nhân-thân ta đó mà thôi, tôi tưởng ai ai cũng nghĩ một ý như tôi vậy. Đất Ấn-độ được thịnh-vượng như ngày nay, chẳng phải là nhờ có thủy-quân của nước Anh phòng-bị cho ru ? Dân-

Ấn-độ buôn bán được phát-đạt như ngày nay, chẳng phải là nhờ được nước Anh gìn giữ cho trong nước thái-bình, không sợ giặc ngoài vào xâm phạm ru? Bởi vậy nên hết thảy chúng ta vẫn được buôn may bán đắt trong khi thiên-hạ phải lầm than, há chẳng nên tự-nguyện mà đem chút đỉnh dâng cho Nhà-nước, để tỏ tâm lòng trung-thành với người Anh, cho người Anh biết rằng ta sẵn lòng ra gánh vác một phần trong cái trách-nhiệm chung của Đế-quốc ru? Ai cũng còn nhớ rằng quan Thủ-tướng Anh trong một bài diễn-thuyết mới rồi có gọi điều dân Ấn-độ, xin cung-cấp cho Nhà-nước 50 vạn người để giữ bờ cõi. Ngài nói Nhà-nước vừa cần người, vừa cần đạn, vừa cần tiền, có đủ thì mới có thể nghiêm phòng được cho đất Ấn-độ. Nay tôi xét ra thì sự tuyển lính hiện đương lắm, đã được mười phần thỏa-đáng, mỗi ngày được vô-số người nhập-ngũ. Còn đạn-dược thì nghe nói đã chế và gửi đi rồi. Nay đến khoản tiền ta phải kíp kíp mua quốc-trái cho nhiều cho khỏi phụ lời quan thủ-tướng đã yêu-cầu đến ta.

« Vậy tôi dám nguyện xin cả các đồng-bào ta đương ngồi nghe tôi đây chiều hôm nay ra ai cũng quyết một lòng giúp vào cuộc quốc trái, người nào có dư một đồng bạc cũng nên đem mà góp vào, để giữ cho cái danh-dự nước Ấn-độ ta, cho rõ dân Ấn-độ là một dân biết trung-thành, biết cùng với kẻ cai trị mình một dạ một lòng chia gánh nặng nhọc chung. Nay tôi chỉ xin nói thêm một điều nữa là cái tục của cả dân Ấn-độ và nhất là của giống người Parsis [1] ta xưa nay vẫn hay có lệ cúng tiền nhiều để làm trai-tăng cho kẻ họ-hàng thân-thích mình bất-hạnh mất đi. Vậy thì nay quốc-dân ta đem tiền giúp vào việc quốc-trái, kí-trung chẳng cũng có một cái mục-đích giống như thế ru? »

Ấy là lời của một người Ấn-độ nói. Những lời ấy giả thử nói ở Sài-gòn, ở Huế hay là ở Hà-nội cũng không phải là không hợp vậy. Cái lòng dân An-nam ta trung-thành luyến-ái với nước Đại-Pháp cũng chẳng khác gì lòng người Ấn-độ đối với nước Anh. Nhưng thử xét kĩ ta đã làm được những gì để tỏ cái lòng ấy cho người Pháp biết? Thực chưa được mấy tí vậy.

Nay nước Pháp cần phải vay tiền lần nữa, nhưng nước Pháp vốn vẫn tộng lương hơn các nước khác không có bao giờ yêu-cầu cho Đông-dương ta phải đem tiền nọ dâng không cho Nhà-nước. Nhà-nước chỉ hỏi vay mà thôi, bao nhiêu vốn lãi Nhà-nước chịu cả.

Xét như ba lần quốc-trái trước thì ở Đông-dương này thu được bao nhiêu? Năm 1915 thu được 21 triệu quan tiền tây, năm 1916, 20 triệu 1/2, năm 1917, 47 triệu 1/2, tổng-cộng là 89 triệu, tính ra bạc là 19 triệu 35 ngàn đồng. Xem số ấy mà sánh với số 332 triệu bạc của Ấn-độ, hay là số 74 triệu

(1) Parsis là một dân-tộc ở phía tây đất Ấn-độ.

bạc của thuộc-địa Tân-gia-ba và Mã-lai của nước Anh thì có thấm vào đâu? Thực là không thấm vào đâu, thực là chẳng được mấy tí vậy.

Phần dân Đông-dương ta giúp vào quốc-trái của Nhà-nước Đại-Pháp thật là nhỏ mọn quá. Như hồi quốc-trái năm 1917 số tiền của người dân bản-xứ mua cả thảy có 7 triệu quan tiền tây, nghĩa là một trăm phần được có ngót 15 phần. Thực không đủ tỏ ơn cho Nhà-nước Bảo-hộ được một chút-đỉnh vậy.

Nay Nhà-nước mở quốc-trái lần nữa. Lần này đắt hay không là một sự quan-hệ đến danh-dự chung của cả quốc-dân ta đó.

Này đồng-bào ta thử nghĩ mà xem, cả cái vận-mệnh của Việt-Nam-tổ-quốc ta, của cái tổ-quốc rất đáng thương đáng yêu của ta, chẳng phải là cầm lỏng trong cái cuộc chiến-tranh kinh-thiên động-địa này ư? Giống An-nam ta mà còn sinh-tồn được trên mặt đất này, quốc-dân ta mà còn giữ được cái hi-vọng tối-thiết ở trong lòng, chẳng phải là nhờ cái tài-trí của nước Đại-Pháp, chẳng phải là trông vào sự chiến-thắng của quân Đại-Pháp mà ta mới mong được như thế ư?

Trong bảy năm trời nay, mỗi lần xem cuộc chiến-tranh như có lợi cho quân Đức, trong bọn ta ai là người không thấy rùng mình ghê thịt, ai là người nghĩ đến cái tương-lai của nước nhà không mất vía mà kinh hồn, tưởng như nước Đại-Pháp mà thua chuyến này thì hoặc nước Đức, hoặc là một nước cường-bạo nào tất thừa-cơ mà sang chiếm-đoạt đất ta, nô-lệ dân ta, đãi ta như giống Hắc-nô ở Phi-châu, như dân Tàu ở Giao-châu cùng mấy nơi thuộc-địa khác. Than ôi! nghĩ đến mà ta như hoảng như hốt, như lo như sợ, như mướt mồ-hôi, vì nếu quả phải như thế thì bao nhiêu cái mơ-mộng tuyệt-trần của giống An-nam nhất-đán mà ra gio cả. Ta mơ mộng cái gì? Ta mơ mộng rằng cái văn-minh cổ của giống ta nhờ được một nước văn-minh độ nhất bên Thái-Tây sửa-sang, rèn đúc, tẩm-thấm cho cái phong-trào mới đời nay, có ngày được vẻ-vang rực-rỡ hơn xưa, khiến cho nước Nam ta được đứng một cái địa-vị xứng-đáng trong thế-giới. Ấy cái mơ-mộng của ta to-tát như thế, mà nếu muốn một rủi cho ta phải vào cái số-phận như thế kia, thì cực biết dường nào! Khác nào như một cái lâu-đài bằng giấy dựng lên giữa đám lửa to của thế-giới, chỉ trong mươi phút mà thành không! Ai nghĩ đến mà chẳng lo, chẳng xót ruột, chẳng đau lòng, thà rằng chết còn hơn chịu cực như thế. Ôi! *địch-chủ tàn-nô* còn nông nỗi nào cực bằng! Nước hiện làm thấy ta ngày nay, ta đã quen biết, ta đã cảm sâu cái lòng quảng-đại nhân-từ mà cùng một dạ trung-thành luyến-ái. Nếu chẳng may lại phải vào tay nước khác cường-bạo hung-tàn thì cái tình-cảnh ta đến thế nào?

Người An-nam nào là người có học, có trí-thức lại không hiểu ngay từ ngày tháng 9 năm 1914 rằng cái trận thắng trên sông Marne quan-trọng là dường nào? Trận ấy đã phá được cái nhuệ-khí của quân Đức

nhiều, tuy chưa tiệt-diệt được ngay mà đã làm cho khốn-quẻ, chẳng bao lâu tất cũng phải tan. Con ác-thú còn đương ngắc ngoải, cái chết cũng sắp tới nơi.

Mà cái trận thắng lớn nhất đối với một nước quân-lực mạnh nhất trong thế-giới ấy, là chính tay nước Pháp đã thu-hoạch được. Chính tay các võ-tướng, các quân-quan nước Pháp đã dự-bị, tập-luyện, sắp đặt và chỉ-huy cho cả các quân-đội của nước Anh nước Mĩ *đã tin cậy ở cái tài chiến-đấu, cái mưu-lược của người Pháp mà đem sang đất Pháp* dự một phần vào cuộc chiến-tranh.

Cái tài của các nhà danh-tướng Pháp ngày nay không những đủ cứu cho nước Pháp, cho nước Tí khỏi cường quyền của giống Đức, mà lại cứu được cho cả thế-giới khỏi chôn lao-lung: nước Anh nước Mĩ cũng đem cả vận-mệnh mà ký-thác vào tay các tướng Pháp vậy.

Hiện nay đại-tướng Foch không một làm thống-tướng cho các quân-đội của Đồng-minh, *mà thực làm thống-tướng cho quân-đội của cả nhân-loại vậy*. (Foch est le généralissime de l'armée de l'humanité).

Đồng-bào ta chắc ai cũng đã biết tin rằng từ ngày 14 tháng 7 năm nay đại-tướng đã đánh tan được quân Đức, khiến cho phải tháo lui về, mất 1 triệu 50 vạn người, hơn 4 ngàn khẩu đại-bác, 13 ngàn khẩu súng cối-xay, còn những đồ quân-dụng không biết bao nhiêu mà kể.

Quân Đồng-minh ngày nay vẫn đương dồn-áp quân Đức: chắc quân Đức chỉ mỗi ngày một tiêu mòn đi mà thôi. Nhưng Đồng-minh còn đánh cho kỳ bao giờ tấm cờ ba sắc của nước Pháp cắm được trên bờ sông Rhin mới nghe. Các tướng đã sẵn-sàng, chiến-đồ đã nhất-định; quân-lính thì nào là người Pháp, người Anh, người Mĩ, người Ý, cả người Au-nam ta nữa, đương hăng hăng đem hết sức can-đảm mà chống với giặc. Vậy thì còn thiếu gì nữa.

Chỉ còn thiếu tiền mà thôi, còn phải cần nhiều tiền để chế cho được thật nhiều binh-khí đạn-dược, để nuôi cho khắp được bây-nhiêu quân-đội hùng-cường.

Lúc này thật là buổi quyết-chiến đây. Lúc này thật là lúc sắp phân thắng-phụ đây.

Ta có tiền dư dật nên đem cho Đồng-minh vay. Tiền đó không phải là tiền mất đâu. Mà dẫu trúng-sử ngay này ta cho nhà nước vay có phải chắt-chiu một chút, ta hãng nghĩ đến giống nòi ta, nghĩ đến hậu-vận vẻ-vang của Việt-Nam-tổ-quốc ta, nghĩ đến cái nghĩa-vụ ta phải tỏ ơn cho kẻ bảo-hộ mình, vì mình mà mưu sự ích-lợi, vì mình mà chỉ đường tiến-hóa, ta thử nghĩ như thế thì ta hiểu ngay rằng ta xuất tiền cho nhà nước vay ngày nay thực là mua rẻ cái hạnh-phúc của ta sau này đó.

Hỡi đồng-bào ta ôi! ta nên vì cái danh-dự giống Việt-Nam, vì cái bụng thương yêu nước nhà, vì cái lòng hi-vọng cho giống Lạc-Hồng ta được cùng trời đất ấy nước non này sống rõi đến vô cùng, ta nên vì cái tình sâu thương nước, nghĩa cả mến thầy, đem hết tiền bạc ra cho nhà-nước vay.

NAM-PHONG

QUAN ĐẠI-TƯỚNG FOCH

Quan đại-tướng Foch hiện làm thống-tướng cả các quân Đồng-minh, nghĩa là trong một tay ngài cầm quyền chỉ-huy hết thảy các quân-đội hiện đương chống-đối với nước Đức. Bởi vậy cả thiên-hạ đều trông mong ở cái tài-lược ngài nhiều lắm. Sau này xin kể qua cái lịch-sử cùng sự-nghiệp của ngài cho quốc-dân ta được biết.

Trong các hàng tướng-tá hiện đương cầm quân đánh Đức, đại-tướng là một người trước-danh hơn cả. Ngày nay ngài được lên cái địa-vị cao trọng như thế thực là bởi công ngài, bởi tài ngài cùng cái sự-nghiệp của ngài.

Ngài sinh tại thành Tarbes năm 1851, là con một ông quan sở Tài-chính. Ngài học trường trung-học Saint-Michel của các thầy giòng hội Gia-tô (*Jésuites*) lập tại thành Saint-Etienne, rồi lại học ở trường trung-học Saint-Clément ở thành Metz Năm 1871 thi đậu vào học trường Kỹ-sư (*Ecole Polytechnique*) ở Paris, lại vừa theo học khóa kỵ-binh (*cavalerie*) ở trường Saumur, năm 1873 thăng quan ba, năm 1884 vào học trường Cao-đẳng-võ-bị (*Ecole de Guerre*). Ngài không những là một tay học-vấn, mà thực là một nhà binh hoàn-toàn.

Ngài nổi danh từ ngày vào trường Cao-đẳng-võ-bị. Tự năm 1896, ngài đã sung chức trợ-giáo dạy khoa chiến-lược và chiến-thuật chung (*stratégie et tactique générale*) ở trường ấy.

Cái tư-tưởng, cái học-thuật của đại-tướng không có gì là bí-mật cả. Đại-tướng đã từng công-bố mà dạy cho học-trò trường võ-bị, lại viết thành sách để truyền rộng ra nữa. Đại-tướng là một nhà « thiệt-hành mà có nhiệt-thành » (*un réaliste enthousiaste*). Ngài tin ở cái tinh-thần, tin ở cái chí-lực, nghị-lực người ta. Ngài biết rằng người ta muốn khắc-kỷ, muốn thắng-vật, phải có chí mới được, phải kiên-nhẫn, phải khắc-khổ mới được. Ngài lại là một người rất sùng đạo Thiên-chúa. Ngài biết rằng đời người chẳng qua là một cuộc phù-sinh, muốn cho tới được cõi Thiên-quốc phải có lòng tin đạo, phải biết ham cái lý-tưởng tuyệt-trần. Ngài thâm-tín rằng sự chiến-tranh là một cái « bi-kịch tối hữu-tình », nghĩa là một cái bi-kịch ở trong tâm-giới người ta (*La guerre est un « drame passionné », c'est-à-dire un drame de conscience*). Ngài thiết-nghĩ rằng ông tướng có quyền chỉ-huy tức là có quyền muốn khiến cuộc chiến-tranh thế nào cũng được, và sự được thua là ở cái tài-đức của mình nhiều hay ít mà thôi.

Đại-tướng đã mang cái tính-chất như thế tất tin rằng người ta phải theo phép-tắc thiên-nhiên của Tạo-vật. Nhưng ngài cũng tin rằng người ta không phải là không có quyền tự-do, mà cái quyền tự-do ấy có thể ảnh-hưởng được đến cái phép-tắc kia, hoặc vì thấm được cái tinh-tủy của nó, hoặc vì đem nó ra mà đối-chiếu với sự-nghiệp của mình, như thế thì tuy ngài tin rằng Tạo-vật có phép-tắc mà vẫn giữ được quyền tự-do của loài người, là bởi ngài có cái lòng tin đạo nó làm cho người ta hình như được trực-tiếp với đứng « Thiên-niên » (*la foi qui unit l'homme à l'Eternel*), là bởi ngài có cái trí sáng-suốt nó làm cho dễ biện-biệt cái gì là cái lẽ hằng của trời đất, là bởi ngài có cái chí khắc-khổ nó khiến cho bao giờ cũng biết lấy cái lẽ hằng ấy làm đích, sau nữa là bởi ngài có cái nghị-lực phi-thường nó làm cho bao nhiêu căn-cốt trong tinh-thần như cứng mạnh ra, dương thẳng ra như cái cung sắp bắn vậy.

« Nghị-lực »! Cả cái tâm-lý của đại-tướng Foch hình như gồm lại trong một chữ ấy. cũng như cả cái tâm-lý

QUAN THỐNG-TƯỚNG FOCH

Hiện thống-lĩnh các quân Đồng-minh về mặt trận Pháp

On est heureux de penser qu'à la tête des armées se battant pour la liberté, il y a un homme de génie comme le général Foch.

LLOYD GEORGE

Biết rằng hiện nay có một bậc thiên-tài như tướng FOCH cầm quân để hộ-trì cho cuộc tự-do trong thế-giới, thực là đủ khoan khoái trong lòng

Lời của quan thủ-tướng nước Anh.

của đại-tướng Joffre là gồm lại trong một chữ : « bình-khí » (*équilibre*) ; một đằng thì bao giờ cũng ráng sức như cái cung sắp bắn, một đằng thì bao giờ cũng dung-dị không hề vội-vàng. Hai người cũng là tay danh-tướng cả, nên thật đã tâm-tri và biết trọng cái tài của nhau lắm. Đại-tướng Joffre hồi làm « tham-mưu-bộ tổng-trưởng » (*Chef de l'Etat-major général*) đã tri-ngộ mà giao cho đại-tướng Foch thống-lĩnh quân-đoàn thứ 20 (*20e corps*), là một quân-đoàn gồm những tinh-binh của nước Pháp để giữ nơi giáp-giới nước Đức. Kịp đến khi khai-chiến, ngay tự mấy ngày đầu lại giao cho kiêm-lĩnh một quân mới nữa và ủy cho công việc rất quan-trọng ; được ít lâu lại thăng lên cao nữa và dùng để thay mình mà nhất-thống cả các quân-đội mặt Bắc. Tướng Joffre thật có cái tài khéo dùng người : người nào nhờ ngài mà lên chóng rồi sau cũng nên sự-nghiệp to, thế thì đủ biết ngài xét người không sai vậy.

Cứ cái phái các tướng mới ngày nay thì thường lấy sự hăng-hái mạo-hiểm làm trọng. Đại-tướng Foch tuy cũng có cái tính sốt-sắng trong khi hành-động mà vẫn biết cẩn-thủ không hề làm quá-đáng bao giờ. Khi dạy học hoặc trong sách-vở của ngài, ngài thường răn rằng làm một ông tướng cầm quân phải giữ gìn cho rất cẩn-thận mới được. Ngài khuyên không nên « dâm xổ vào quân địch như con lợn rừng xông vào người ta » (*foncer sur l'ennemi comme un sanglier*). Ngài dặn các tướng trong khi sửa-soạn ra chiến-tranh, phải cẩn-thận, phải kiên-nhẫn, phải có phương-pháp, phải biết suy-tính mới được.

Ngài khảo về lịch-sử các trận vua Napoléon, có mấy câu khen quan nguyên-soái Lannes ở trận Saalfeld như thế này : « Nguyên-soái mới có 37 tuổi, thiệt là trẻ quá, thế mà khi đánh trận ấy có cái trí sáng-suốt khôn ngoan biết kiên-nhẫn mà sắp sẵn trong sáu giờ đồng-hồ, rồi đến khi ra quyết-chiến mới hăng-hái biết chừng nào. Nhưng cái hăng-hái sau với cái kiên-nhẫn trước, cái nào là đáng khen hơn ? Tôi thiết-tưởng cái kiên-nhẫn mới thật là đáng khen vậy ». Đại-tướng Foch cũng muốn theo cái gương kiên-nhẫn ấy, muốn cầm cái khí hăng-hái của mình lại để thâu-thập cho hết sức, suy-tính cho đủ đường, rồi mới phát-dương ra trong khi hành-động.

Nhưng đến khi cái khí-giới đã luyện tốt rồi thì bấy giờ phải dụng tinh-thần mà chiến-đấu. Lúc ấy mới thật được tự-do mà dùng cái khí hăng-hái của mình. Ấy cái thuật làm tướng, cái thuật làm quân của đại-tướng như thế. Ngài có cái « lạc-quan chủ-nghĩa » (*optimisme*) lạ : ngài nói phàm trong trận, người nào không chịu thua là người ấy được, và cái chí không chịu thua ấy tự quan xuống quân làm cho quân mình có oai, có cái nhuệ-khí hơn quân địch. Ngài thường thuật câu của ông danh-sĩ Joseph de Maistre : « Thế nào gọi là một trận thua ? Trận thua là một trận mình không biết tin rằng được », rồi ngài bàn thêm rằng : « Thế thì thua là tự trong bụng người ta mà thua, nhưng được cũng là tự trong bụng người ta mà được. » Muốn diễn-thích ra nữa thì ta có thể nói thêm : « như thế thì một trận được là một trận mình không chịu nhận là thua », tưởng cũng không phải là trái lẽ vậy.

Đại-tướng lại có mấy câu khen người lính Pháp thế này : « Người lính Pháp ta gồm được mấy cái tính tốt riêng của giống Pháp, khiến cho có cái tư-cách tự-nhiên hơn lính Đức nhiều : như tinh hoạt-bát, trí-sảo, hay cổ-võ, dễ cảm-động, biết tận-tâm, biết yêu nước... Nhờ có mấy cái tính tốt tự-nhiên đó mà từ hàng tướng-tá cho đến hạng quân-biền, đều có cái tài ứng-biến, và có cái giá-trị xứng-đáng

với công việc mình. » Một ông tướng mà xét quân-nhân như thế chắc đã am-hiểu tính-chất lắm và thông thuộc cái cách dùng người, dẫu người nào không tốt nghe lời ngài nói, trông việc ngài làm cũng đủ cảm-hóa được.

Từ trận năm 1914 này mới lại càng rõ cái tài, cái học, và cái bụng-dạ lớn lao của ngài. Ngài đã đánh mấy trận sông Marne, sông Yser, sông Somme, ai ai cũng còn nhớ. Nay ta thử xét qua cái cách ngài hành-động thế nào.

Hồi trận sông Marne, ngài thống-lĩnh quân thứ 7 (7e *armée* là hợp 3 quân-đoàn (*corps*) lập ra ngày 20 tháng 8 : quân-đoàn thứ 4 (tướng Eydoux), thứ 9 (tướng Dubois) và một quân-đoàn gồm một sư-đoàn (*division*) quân Marocains (tướng Humbert), sư-đoàn thứ 43 bộ-binh (43e *division d'infanterie*) và hai sư-đoàn quân dự-bị (*réserve*). Quân thứ 7 ấy đứng giữa hàng trận, tự phía Nam Sézanne cho đến dưới yếu-tắc (*camp*) Mailly và Sompuis. Đối với quân ấy thì bên địch có quân của tướng Von Bulow và một phần quân đất Saxe của tướng Von Hausen. Ngày 6 tháng 9 đại-tướng đặt thành hàng trận ở phía Nam Fère-Champenoise, rồi khởi đánh thế công. Hai bên đánh nhau dữ lắm, nhưng quân Đức đánh miếng nào quân Pháp cũng chống lại giỏi lắm, rồi quay ra phản-kích lại quân Đức mạnh quá, thừa thế tiến lên, nhất là về tả-dực (*aile gauche*). Ngày 7, (*aile droite*) tuy hữu-dực tự Moraine đến Lenharrée bị quân địch nhiều hơn đánh mạnh quá, đại-tướng cũng vẫn đứng vững không chuyển, chỉ phải đem đường trận lui về một chút mà thôi. Sáng sớm ngày 8 thì đã đánh lấy được nhà-thành (*château*) Mondemont và chiếm-cứ được Sézanne rồi, đại-tướng bèn hạ-lệnh cho quân như sau này : « Tình-trạng quân ta vẫn tốt lắm. Truyền cho lại đánh thế công nữa mà cho cực-đánh lực. » Sư-đoàn thứ 42 (42e *division*) được lệnh ấy xông vào đánh Fère-Champenoise, lấy được.

Đã đắc-thắng như thế, đại-tướng lại đánh một miếng quyết-liệt nữa. Nhờ có tàu bay đi trinh-sát về báo-cáo, ngài biết rằng ở giữa hai quân Đức của tướng Von Bulow và tướng Von Hausen có một khoảng bỏ không, ngài định cho quân tràn sấn vào đấy, làm cho quân Đức mất cái thế quân-bình (*rupture d'équilibre*). Nhờ trời tối, ngài đem quân bên hữu-dực họp-tập cả ở tả-dực. giữa ngay chỗ khoảng không của quân Đức, bên hữu chỉ để một dải quân bề ngoài mà thôi, rồi sấn vào chỗ khoảng không như đóng cái đanh vào sườn quân Đức vậy. Quân Đức bị thua chạy tán-loạn ở nơi đồng lầy Saint-Gond, tổn-hại không biết bao nhiêu mà kể. Hai ngày 9 và 10 đại-tướng thừa thế đánh rấn mãi lên. ngày 11 giải vây được cho thành Châlons, kéo quân vào trong thành.

Sau trận ấy đại-tướng được thăng đệ-nhị-đẳng Bắc-đẩu-bội-tinh, kiêm-lĩnh ba quân mặt Bắc, đánh trận sông Yser và thành Ypres được to, thực là một cái chiến-thắng đẹp nhất của ngài. Ngài chỉ có sáu quân-đoàn, quân địch có những 16 quân-đoàn mà không những có thể đương nổi, lại còn công-kích hoài.

Song trong cái trận lớn-lao ấy, cái kết-quả là ngăn quân Đức không vào được đường thành Calais, cũng đã qua nhiều buổi rất nguy-hiểm cho quân Pháp. Nhờ cái chí quả-quyết lạ thường của ngài mà đoạt được cả những sự khó khăn.

Đại-tướng 63 tuổi, râu tóc hoa râm, mặt dài dài, râu mép để cứng và coi mạnh mẽ có oai, lông mày rậm, nét mặt có vẻ hoạt-động, lắm lúc nhìn lại như có cái sắc hào-quang rực-rỡ; khi nào ngài có lòng tin với ai thì cũng hay truyện-trò thân-mật, nhưng thường-thường rất nghiêm-cẩn ; giọng nói trầm-

trầm nhưng đậm-đà, khi nào cất tiếng lên thì nghe có cảm-động ; coi hình-dung thái-độ ngài rõ được cái tâm-lý của ngài : ngài thiệt là một cái « cung dương bắn » vậy. Trái hẳn với tướng JOFFRE, người to lớn lực-lưỡng lạ thường, vững-vàng như một khối đá thiên-nhiên.

Cứ xét mấy lời vấn đáp sau này của tướng FOCH với tướng FRENCH nước Anh ở Dixmude (hồi ngày 31 tháng 10-1 tháng 11 năm 1914) thì đủ biết cái tâm-địa của ngài thế nào. Tướng FRENCH kể cũng đã quả-quyết can-đảm thay, mà tới bấy giờ đương gặp lúc nguy-hiểm, tổn-hại đã nhiều, không biết có thể đứng vững được nữa không. Hai giờ sáng tướng FOCH tới trại quân Anh nói với quan đại-tướng Anh rằng : « Xin đại-tướng biết cho, nếu ngài lùi thì quân địch tràn sang tả-dực quân tôi. Ta có mười quân-đoàn mà quân Đức những 16. Nếu ngài rút hai quân-đoàn của ngài về thì tôi phải một đương hai. Ngài thử xét trong lịch-sử nước Anh có bao giờ quân Anh ra trận phải lùi về không. Cái danh-dự nước Anh hiện ở trong tay ngài, mà cái danh-dự nước Pháp là ở trong tay tôi đó. Cả thế-giới đương chú-mục vào bọn ta. Tôi xin lấy lời thề của nhà quân mà đoan với ngài rằng dù chết đến nơi tôi cũng không chịu lùi về một bước. Xin ngài cũng đoan với tôi như thế, thực là cần-cấp cho tôi lắm. Tôi trông mong ở ngài đó. Ta là bọn nhà quân mà ! »

Nghe bấy nhiêu lời, quan đại-tướng Anh cảm-động đến chảy nước mắt ra, cầm lấy tay ngài mà nói : « Xin vâng. »

Đương khi ngài nói như thế, làm như thế thì con trai và con rể ngài cũng đánh trong hàng quân ngài vừa bị chết, ngài vừa nhận được tin. Anh-hùng thay !

Ôi ! trận Fère-Champenoise ! trận sông Yser ! Hai cái chiến-thắng ấy cũng đủ làm cho rực-rỡ thanh-danh của tướng FOCH. Ngài đã được thưởng-thụ những huy-chương (*décorations*) rất cao trong quân Pháp và quân Anh : như đệ-nhất-đẳng Bắc-đẩu-bội-tinh (*grand Croix de la Légion d'Honneur*), quân-công-bội-tinh (*médaille militaire*), « Bain huy-chương » (*ordre du Bain*). Nhờ ngài mà hồi trận đánh thế công ở sông Somme quân Pháp quân Anh đã hiệp-lực nhau mà thu được đại-thắng. Ngày 4 tháng 4 năm 1917, ngài được đặt ra ngoại-ngạch và sung chức « tham-mưu-bộ tổng-trưởng » ở bộ Lục-quân (sắc-lệnh quan Giám-quốc ngày 15 tháng 5 năm 1917). Ngài sung chức ấy cho mãi đến mùa thu năm ngoái mới được lệnh Chánh-phủ sang cứu-viện cho quân Ý, tới ngày 22 tháng 3 năm nay thì hai Chánh-phủ Pháp Anh cùng thuận ủy-nhiệm cho ngài thống-lĩnh cả các quân Đồng-minh ở mặt tây, tức là làm chức thống-tướng (*généralissime*) của phe Đồng-minh vậy.

(*Dịch sách Tây*)

MUA QUỐC-TRÁI LÀ VIỆC NGHĨA

Mạnh ấy, thời là gạo,
Bạo ấy, thời là tiền.
Phương ngôn có câu thế,
Có tiền mua được tiên.

Muốn trừ quân Đức-tặc,
Đại-Pháp mới phải quyên.
Ta là dân bảo-hộ,
Thấy nghĩa thời phải nên.

THƯ NGỎ CHO CHỦ-BÚT NAM-PHONG

Bản-báo mới tiếp được cái thư ngỏ sau này của ông Ng.-h-V, *người Nam-kỳ, trong thư hết sức bài-bác cái lối văn của bản-báo, bài-bác cả cái hán-học cũ của nước ta. Tuy lời-lẽ có lắm chỗ quá-đáng — nôm na cha mách quê, — song bản-báo cũng vui lòng mà đăng, để cho các bạn đọc báo biết cái dư-luận người Nam-kỳ thế nào. Vả bản-báo muốn giữ cái tôn-chỉ mở rộng cho hết thảy mọi người có tư-tưởng trong Nam ngoài Bắc, ai muốn nghị-luận về đường nào cũng được, dù cái ý-kiến trái với bản-báo cũng mặc lòng. Ý-kiến người ta mỗi người một khác, có đem ra đối nhau mới mong nảy được cái tia sáng chân-lý. Thuộc về cái vấn-đề quốc-văn, bản-báo vẫn chỉ ước ao có nhiều kẻ bàn đi người bàn lại, cho quốc-dân được tự-do phán-đoán, mà biết cái đường lối nên theo thế nào. Nay có một ông Nam-kỳ bàn về cái vấn-đề ấy một cách rất « kỳ-khôi », tuy có nhiều chỗ người nào còn có chút cựu học (không những người Bắc-kỳ Trung-kỳ mà cả người Nam-kỳ nữa) đọc đến cũng không thể nhịn cười được, song bản-báo há có hẹp gì mà không đăng ? Công-bố một áng văn-chương như cái thư ông Nam-kỳ đó, không những không tổn gì đến danh-dự của bản-báo, mà thực là khiến cho bản-báo lại có thể tự-cao được một chút. Lọ là phải phản-đối ông từng câu từng đoạn làm gì cho phiền, tưởng thế cũng là thừa vậy. Cứ in ông ra cho thiên-hạ biết, tức là phản-đối ông rồi.*

Vậy bản-báo cứ y nguyên-văn của ông mà đăng, xin các bạn đọc báo « sửa soạn mũi mà ngửi mùi thơm tho » (đó là lời của ông) của cái văn li-kỳ ấy. Hoặc cái mùi thơm ấy có nồng quá hắc quá, các ngài không quen ngửi, xin cũng cố nhẫn-nhục mà đừng trách bản-báo quá khoan-dung.

Duy có phần dưới cái thư của ông bàn về sự đặt hội làm tự-điển tiếng Annam, thì lời bàn ấy cũng nên chú-ý xét kỹ, xin để lần sau bản-báo sẽ bàn tường. Lần này hẵng để các ngài thư thả mà thưởng cái bài đại nghị-luận đại văn-chương sau này !

Ph. Q.

Những người có lòng thương con nhà Annam, muốn cho sự mở-mang trí hóa càng ngày càng rộng, hễ thấy một cái nhà trường mới mở cửa, một quyển sách có ích mới in ra, một tờ nhựt trình, một cuốn tập chí mới nổi lên, thì lấy làm mừng vô cùng, mong cho mỗi người mỗi ra một chút công đặng dẫn con em nước nhà ta vào đường văn minh tấn bộ.

Tháng Juillet, năm 1917, dân cả và nước Nam, thình-lình được mát-mẻ bởi Nam-Phong mới nổi lên ! Tai người người đều nghe, mắt người người đều muốn thấy ! Ai mà chẳng khen cái chí to tát, cái lòng thương nước thương dân Annam của Chủ-Bút Nam-Phong. Ai chẳng chống mắt lên mà ngó ngọn đuốt văn-minh, ngọn đuốt chói lòa các khoa-học của Chủ-Bút Nam-Phong đem mà rọi chốn tối tăm, chốn quê mùa dốt nát ! Ai mà chẳng sửa soạn mũi mà ngửi mùi thơm tho (!!) của « Nam-Phong » hiêu-hiêu bữa khắp nơi hôi-hám !

Ấy là những đều ước ao ; song biết có thành-hình được chăng ?

Hỡi ơi ! Bảo rằng có thì nó ngặc bụng cã mấy triệu dân Annam trong cõi Nam-Kỳ và Nam-Vang, mà bảo rằng không thì đau lòng Chủ-Bút Nam-Phong lắm lắm !

Cái mục-đích của Nam-Phong muốn tỏ cho bọn quan lại và các nhà nho ở Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ biết rằng ngoài cái văn-học cũ của Tàu còn có nhiều cái văn-học khác, nhiều cái khoa-học khác nữa, đà gần đạt được rồi. Còn cái ước ao mở-mang trí-dân mà chẳng biết chữ Hán, chỉ biết chữ quốc-ngữ hay là tiếng Langsa mà thôi, ở trong cõi Đông-Dương thì chẳng một chút xiếu gì thành hình được !.

Bởi sao vậy ?

Là vì các bài quốc-ngữ, Chủ-Bút Nam-Phong cùng các người phụ-bút dùng nhiều chữ Hán quá, nên coi khó hiểu lắm — có chỗ chẳng hiểu các ngài muốn nói cái chi chi ! Coi mà chẳng hiểu thì có ích lợi gì đâu — lần lần người ta ngã lòng trông cậy, chẳng còn muốn coi nữa !

Các ngài làm như thế thì hình như các ngài là người Tàu qua lấy nước Annam, muốn đem tiếng của nó qua mà thế cho tiếng nước ta vậy. Tôi cảm-ơn các ngài, tôi chẳng cần các ngài làm việc ấy ! Trải ngoài nghìn năm, người Tàu đà làm đều ấy rồi ! Chúng nó đem chữ Hán mà thồn, mà nhét, mà ém, mà nhận vô trong tiếng của ta đến đỗi tiếng của ta chẳng có thế tiêu-hóa nó được nên phải *phát ách* : đau lâu, trải ngàn năm cái xát phải chết, cái hồn phải tan phải nát.

Khi nhà nước Langsa qua giao-thông với nước ta thì trong cõi Nam-Kỳ nổi lên một người là ông Trương-vĩnh-Ký [1] mượn cái xát Latin mà đựng cái hồn của tiếng Annam còn sót lại. Cái xát Latin ấy là chữ quốc-ngữ bây chừ !

Cái hồn của tiếng ta còn sót lại lần lần nhập vào xát mới và troug khoản năm sáu mươi năm vừa qua rồi, cái xát mới với cái hồn xưa vừa ưa nhau, vừa quen hơi nhau, hiệp sức mà tiêu-hóa cái sự *phát-ách-tiếng-Chệt* ngày xưa vừa được — những người có bụng nước nhà, những người muốn cho tiếng nước ta đứng vững riêng một cõi, chẳng còn làm mọi Tàu nữa, vừa mới hởi lòng khoái dạ, mừng chưa no nỗi mừng, nay Chủ-bút Nam-Phong và các ngài là người chi mà dám gieo sự lo, sự buồn lộn với cái sự vui-mừng rất phải, rất đáng khen của ngoài 3 triệu Đồng-bào trong xứ Nam-Kỳ và Nam-Vang vậy ? Các ngài là người chi mà ra công làm tiếp cái đều đáng chê, đáng ghét, đáng trừ của người Tàu đã khởi-sự mấy nghìn năm trước vậy ? Các ngài là người chi mà dám đem chữ Tàu mà thồn, mà nhét, mà ém, mà nện vô trong tiếng Annam, buộc trẻ con Annam phải chịu lấy mà làm tiếng của chúng nó vậy ? Chủ-bút Nam-Phong và các ngài chẳng sợ một ngày kia tiếng Annam ta sẽ phát ách một lần nữa sao ? Các ngài chẳng sợ cái hồn của tiếng mẹ đẻ ta sẽ chết mất đi ư ? Ông Trương-vĩnh-Ký mượn xát Latin mà đựng cái hồn tiếng Annam còn sót lại, nay đáng lẽ các ngài nuôi nấn, săn sóc cho cái hồn còn sót lại đây trở nên lớn nên mạnh cho nó đứng vững riêng một mình được, có lẽ đâu các ngài toan rước chữ Chệt vô mà đè mà ép cho nó chết ngột, toan giết nó đi vậy ?

Tôi xin lỗi hỏi : « Vậy chớ các ngài là người Annam hay là người Khách ? »

Có lẽ các ngài sẽ vỗ ngực mà nói một cách hẳn hoi rằng : « Chúng ta là An-nam ! »

---

(1) Chưa từng thấy ai nói ông Trương-vĩnh-Ký là người đặt ra chữ quốc-ngữ. Ông Trương chẳng qua là một nhà làm sách giáo-khoa thường cho con nít học mà thôi, đã có công-nghiệp gì với tổ-quốc, đã từng bao giờ đem cái xác « la-tinh » mà đựng cái hồn Nam-Việt ? Chẳng dám khinh gì người trước, nhưng những bậc danh-sĩ nước Nam cứ như ông Trương cả thì cũng không lấy gì làm vẻ-vang cho nước lắm. (Q.)

Các ngài là An-nam, vậy nếu các ngài thấy người ta đến cướp phá nước Annam, các ngài có giận chăng? nếu các ngài thấy người ta ăn hiếp dân Annam các ngài chịu nổi sao? nếu các ngài thấy người ta muốn chôn, muốn dập, muốn khóa lấp cái tiếng Annam, cái tiếng mẹ đẻ của các ngài, các ngài có động lòng chăng? Sao lại không ư! Chắc cái lòng thương nước thương dân, *thương cái tiếng Annam* nó bảo các ngài xăn tay áo, cầm viết tức thì dặng mà hươi, mà chống, mà ngăn, mà ngừa những sự tệ ấy. Trong khi các ngài đặt-để, cái sự thương tiếng Annam của các ngài nó đi đâu vắn, để cho cái sự muốn khoe mình là người biết chữ Hán nó xui các ngài làm đều rất nên trái-cựa, rất nên nghịch với cái lòng thương tiếng mẹ đẻ của các ngài vậy?

Hay là các ngài thấy vua Khải-Định chỉ ưa chữ Hán, chỉ dùng chữ Hán mà đặt đề, mà nói năn... cho đến đổi nói với những học trò trong các trường lớn trong lúc viến Hà-nội Ngài cũng *lấy chữ Hán* mà nói với chúng nó, rồi có người *cắt nghĩa ra tiếng Annam* thì chúng nó mới hiểu; cho đến đổi hiểu dụ dân Annam, Ngài cũng dùng chữ Hán mà đặt đề, mà ghi chép tư-tưởng của Ngài; nếu muốn cho dân Annam hiểu rõ Ngài muốn nói đều chi, thì phải dịch ra tiếng Annam!!..... (1)

Nên các ngài và Chủ-bút Nam-phong dùng nhiều chữ Hán trong khi viết tiếng mẹ đẻ đặng cho vui lòng vua Khải-Định chăng?

Hay là tại quan lại, từ công hầu cho tới các hàng phủ huyện, nói chữ Hán là chữ của họ... một ngày tới tối chỉ rung đùi rung vế ngâm ba câu thơ Hán văn, nói tình là chuyện đâu đâu không the: cãi lẫy về Hoàng-hà, bàn luận về Thái-sơn, đều là sông núi nước Chệt ở xa nước ta biết là mấy nghìn dặm, mà mấy ai trong bọn ấy thấy được sông núi ấy bao giờ! Hỏi họ sông Hoàng có mấy cái cầu, trên núi Thái có những chi chi thì họ nhắm mắt hã miệng trả lời rót; hỏi họ sông Cửu-long-giang ở đâu, trên núi Tản-viên có những giống gì thì họ nào có biết!... cho nên Chủ-bút Nam-phong đem chữ Hán vô mà thế tiếng mẹ đẻ ta đặng cho các người ấy vui lòng chăng?

Chủ-bút Nam-phong và các ngài ơi, những vua chúa, những quan lại mà..... (2)

Vậy mà các ngài còn đi bợ đỡ đi chìu lòng họ làm chi? Những người mà Chủ-bút và các nhà làm sách vở đáng bợ đở, phải chìu lòng, phải vỗ về, phải nói hơn thiệt, phải mở mang là dân Annam nói tiếng Annam! Các ngài phải trọng tiếng của chúng nó, phải dùng tiếng của chúng nó mà nói phải nói quấy cho chúng nó nghe thì chúng nó mới hiểu được, mới mở mang trí-hóa [*hai chữ này sao ông không nói tiếng Annam lại dùng chữ chệt làm gì cho dùng sai*??] ra được, mới đội ơn cảm đức các ngài, chớ các ngài đem cả xâu cả dọc chữ Hán mà nói với chúng nó: một là, chúng nó chẳng hiểu chi là chi; hai là, chúng nó nói các ngài theo phe chệt-khách là phe nghịch của chúng nó, muốn diệt tiếng của chúng nó, thì sao cho chúng nó khỏi ghét luôn các ngài muốn mời các ngài về Tàu mà viết chữ Chệt cho lũ Khách ấy coi [*!!*].

Cái sự dạy dỗ dân, cái sự mở-mang dân-trí, cốt nơi làm cho chúng nó hiểu, làm cho chúng nó ham coi những sự nó hiểu được thì mới có ích cho chúng nó chớ! Dẫu cho một bài sách có hay bậc nào đi nữa mà chúng nó coi chẳng hiểu thì có ích lợi gì cho chúng nó ở đâu.

(1) Đoạn nay vì đối với Vua mà lời nói không biết kính nhường, nên không thể đăng được.

(2) Đoạn này vì nói những lời vô phép đối với người xưa nay ông cha mình vẫn kính trọng, đủ biết ông này tuy tự-xưng rằng thương tiếng mẹ đẻ, mà thiệt là muốn đạp đổ cái luân-lý của mẹ đẻ đi, cho nên bỏ không đăng.

Khi Chủ-bút mở Nam-Phong-tập-chí ra thì cái sự ước ao của Chủ-bút có phải là rãi khắp trong dân-gian văn-học và các khoa-học đời nay, các đều đáng biết và phải biết đặng mở-mang cái trí của chúng nó ra, đặng dắc chúng nó lên con đường văn-minh tiến-bộ chăng? Chủ-bút Nam-phong có lòng ước ao đều ấy, là đều mỗi người biết thương nước Annam, thương dân Annam phải lấy mà làm cái bổn-phận, thì tôi lấy làm vui mừng, lấy làm khen ngợi ngài lắm; song le tôi xin lỗi ngài mà nói một đều là: cái sự ước ao rất đáng khen của ngài chưa có thành hình và chẳng thế nào thành hình đặng, vì trong một nghìn người ở xứ Nam-kỳ chưa có tới một người hiểu cho đặng những bài, vở trong Nam-phong tập-chí của ngài. Đến đỗi là những người có ăn học, trí-thức mở-mang cao bằng các bậc Đại-học bên Tây mà coi nhiều chỗ còn chẳng hiểu thay, nhiều chỗ chẳng biết ngài muốn nói giống gì, huống chi là bậc thường và bậc dân-giã [1]!

Vậy thì Nam-phong Tập-chí có làm đều chi ích-lợi cho dân Nam-kỳ đâu! Vì làm sao vậy? Là vì Chủ-bút cùng các người phụ-bút dùng nhiều chữ nho quá! Dân coi không hiểu thì chúng nó chẳng thèm coi. Nếu Chủ-bút mà chẳng đổi cách đặt-để lại, chẳng ăn-năn chừa cãi thì ngài sẽ bỏ sót hơn ba triệu dân giàu có, khôn ngoan và lanh lợi, ngoài cái vòng dạy dỗ của ngài có lòng tốt mà lập ra!

Nếu cứ nói dông dài như thế nầy hoài thì hay gì là hết, ta phải xét cho kỹ những cách trả lời của mấy câu hỏi rất cần-kíp về vụ ấy như sau nầy:

I. — Tiếng Annam giàu hay nghèo?

Các nhà làm sách, làm nhật-trình quốc-ngữ thường hay nói rằng tiếng Annam ta nghèo lắm, thiếu đầu, thiếu đuôi, chẳng đủ mà tỏ các trí-tưởng đời nầy, các khoa học đời nầy.

Tôi xin trả lời rằng tiếng Annam ta chẳng nghèo hơn tiếng nước nào đâu!

Không nghèo sao còn thiếu tiếng mà xài? Nào ai có học tiếng Annam đâu mà dám chê rằng thiếu! Vả tiếng nói nước nào bằng đầu cũng vậy, cũng thiếu đầu thiếu đuôi, các nhà văn-học, các nhà khoa-học phải đặt tiếng mới ra, phải mượn tiếng nước khác mà dùng.

II. — Ta nên đặt tiếng mới hay là mượn tiếng nước khác mà dùng trong khi thốn-thiếu?

(a) Ta nên đặt tiếng mới ra mà dùng, chừng nào cùng cực chẳng có thế nào đặt được tiếng cho gọn ghẽ, chừng sẽ mượn tiếng nước khác mà dùng. Những tiếng mới đặt ra, bằng nghe có hơi ngan ngan tai một tí, song le dùng lâu quen miệng, quen tai rồi nó cũng hay, cũng có nghĩa lý sâu xa vậy.

Cách đặt tiếng mới. — Tiếng là nói đặt tiếng mới ra mà xài chớ hẳn thật là ta lựa những tiếng Annam thường dùng mỗi ngày (bất luận tiếng Annam ấy gốc ở nước nào mà ra cũng được: Tây, Tàu, Con nêm, Xiêm, Lào, v. v., miễng là tiếng mọi người đều biết thì thôi) mà ráp-lại đặng chỉ cái nghĩa mới, cái ý mới, cái trí-tưởng mới (former des néologismes). Tỷ như:

(1) *Dirigeable* (*ballon*)

Tiếng ba lông là tiếng Langsa mà đã thành tiếng Annam rồi, ai ai cũng biết nghĩa và biết nói, vậy thì ta dùng nó được rồi. Bây giờ còn thêm nghĩa chữ *dirigeable* nữa nếu ta lấy tiếng « *máy* » mà dịch nó tuy là chẳng đúng nghĩa, nhưng mà tiện lắm, ai ai cũng hiểu rõ được. Vậy thì (Ballon) dirigeable: Balông máy.

Hay là ta lấy tiếng « *Tầu Bay* » (bâteau volant) mà dịch tiếng *bateau dirigeable* thì càng hay hơn nữa! Trong tiếng chung (terme générique) « *Tầu* » đã có ngụ ý bẻ bánh, coi

(1) Bậc đại học nào như thế cũng đáng thương hại thay!

bành được (dirigeable), thêm một tiếng « *bay* » nữa đặng chỉ cho rõ thứ tầu gì, thì đúng nghĩa biết bao nhiêu (spécifique).

Đó anh em trong nước coi cách dịch chữ « ballon dirigeable » ra « Ba-lông máy » hay là « Tầu bay », coi có gọn hơn dễ hiểu hơn và đúng lý hơn cách dịch ra « *Tự-do khinh-khí cầu* » nghĩa là một trái khí nhẹ tự ý muốn làm gì thì làm, hay không ? (Nam-phong số 1. Tự-Vựng Trương IX) Chữ « Tự-do » nghĩa là « muốn làm gì thì làm » để mà chỉ về loài người tạ có trí khôn, chớ chỉ nghĩa tiếng « dirigeable » có được ở đâu !

II.— Tiếng *Planète* bởi tiếng grec Planètès mà ra, nghĩa là kẻ trôi nổi), ông Trương-vĩnh-Ký, trong cuộn Tự-vị Langsa Annam của ông, dịch rằng : « *sao thất-chánh* » (nghĩa là một vì sao trong bọn 7 ngôi sao chánh : Thủy-tinh, Kim-tinh, Mộc tinh. Hỏa-tinh, Thổ-tinh, Thiên-vương-tinh, Hải-vương-tinh). Dịch tiếng Planète ra « sao thất-chánh » thì không đúng nghĩa vì trên trời chẳng phải là có 7 cái « planètes » mà thôi. Trái đất của ta ở đây cũng là một cái « planète » và hết thảy sao nào ở trên trời mà cháy đều là « planète ». Trong Đại-việt tập-chí cùng các nơi khách dịch tiếng planète ra « *Hành-tinh* » (cũng là bắt chước Tàu ! nghĩa là vì sao đi, vì sao chạy). Dịch như vầy cũng chẳng đúng nữa vì trên trời có nhiều vì sao khác cũng đi, cũng chạy, cũng làng vậy mà chẳng phải là « planète » ; tỷ như « *sao-chổi* » hay là « sao đuôi » chạy mau biết chừng nào mà có phải là « planète » ở đâu ! Còn mặt trời cũng đi cũng chạy vậy mà có phải là « planète » đâu !

Đó mượn tiếng chệt làm chi mà chẳng đúng nghĩa ; sao chẳng chịu khó nghĩ mà đặt ra một tiếng của mình cho đúng nghĩa mà dùng.

Để ta đặt tiếng « *sao-đất* » mà chỉ nghĩa tiếng planète thì đúng lắm (sao = étoile là tên chung = terme générique : sao-đất = planète ; là tên biệt = terme spécifique). Bởi vì hết thảy « planète » trên trời đều làm bằng đất bằng đá, v. v. cũng như trái đất của ta ở đây. Kim-tinh, mộc-tinh, thủy-tinh. hỏa-tinh, Thổ-tinh. Thiên-vương-tinh, Hải vương-tinh đều là « *sao-đất* » (planète) tất cả ; mà trái-đất của ta ở đây cũng là một vì *sao-đất*, mặt-trăng cũng một vì sao đất (1) !

Bang đêm ngó trên trời mà coi một hồi thì ta sẽ thấy có 2 thứ sao ; một thứ sao sáng đầm, không nhảy và một thứ sao sáng-ngời, nhảy lia nhảy lịa. Thứ sao sáng đầm, không nhảy đều là *sao-đất* hết thảy, và cũng như trái-đất của ta ở, chẳng có yến sáng riêng, phải nhờ có yến sáng mặt-trời mới sáng. Thứ sao sáng-ngời, nhảy lia nhảy lịa đó đều gọi là « *sao-lửa* » vì hết thảy đều làm bằng lửa cũng như cái mặt-trời của ta vậy, bửa yến-sáng riêng của nó đi khắp nơi. Vậy thì cái mặt trời của ta cũng là một vì *sao-lửa*, còn hết thảy sao-lửa đều là mặt-trời, nhiều cái lớn hơn mặt-trời ta vậy. Ta thấy nó nhỏ đều đều là vì nó ở xa lắm lắm. Các vì « *sao-lửa* » (soleils) «gọi là « *sao-nhảy* » cũng vậy. (Classification scientifique ; extrait des « Notions Cosmographiques », ouvrage en quốc-ngữ par Nguyễn-Bảo-Vĩnh).

III. — Lấy chữ Satellite mà ví dụ. (Trong thiên-văn chữ Satellite nghĩa là một vì sao đất nhỏ chạy vòng theo vì sao-đất lớn). Tiếng Tàu dịch là *tùng-tinh*, nghĩa là một vì sao theo vì sao khác. Theo nghĩa ấy, trái-đất của ta theo mặt-trời thì trái-đất của ta chẳng là *tùng-tinh* sao ? Còn những *sao-đất* chạy vòng theo mặt-trời chẳng là *tùng-tinh* hết sao ? Nghĩa chữ « *tùng-tinh* » không đúng, vậy ta cần gì mượn tiếng Tàu làm chi cho rộn. Annam ta sẵn có tiếng « *Mặt-trăng* » chỉ nghĩa rõ ràng là một vì *sao đất nhỏ* chạy xung quanh một vì *sao đất lớn* Trái đất ta có một mặt-trăng ; Hỏa-tinh có 2 mặt-trăng ; sao vua (Mộc-tinh) có 4 cái mặt-trang. Thổ-tinh có tới tám cái mặt-trăng !

IV. — Trong bài khuyên ta « lấy tiếng Langsa mà làm tiếng Annam », ông Võ-văn-Thơm, Chủ-bút An-hà-nhật-báo, luận như vầy : « phần nhiều tiếng người Annam đương dùng « mà nói mà viết, gốc ở nơi tiếng Chệt chữ Chệt « mà ra, mà bây giờ tiếng Langsa càng ngày « càng thịnh càng lấn vô tiếng mình, còn chữ

(1) Chẳng nên bẻ rằng tiếng « *sao đất* » làm cho người ta rối trí hiểu lên với « *Thổ tinh* » là tên của người Tàu đặt mà gọi một vì *sao-đất* kia (theo ngũ-hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) chớ chẳng phải đặt ra cố ý chỉ nghĩa vì sao ấy làm bằng đất đâu. Nếu vậy chẳng là phi-lý lắm ; vì Kim-tinh là sao vàng sao ? Hỏa-tinh sao lửa, Mộc-tinh sao gỗ, Thủy-tinh sao nước sao ? Không đâu ; hết thảy kim, mộc thủy, hỏa, thổ-tinh chỉ đều là *sao-đất* hết thảy. [Lời chua của người lai-cảo].

« Hán một ngày một suy, một dang ra xa khỏi « tiếng mình, vậy thì mình nên bỏ những tiếng « bởi chữ Hán mà ra và lấy tiếng Langsa sửa « giọng lại một chút mà xài làm tiếng mình. Tỷ « như tiếng « *Géomètre* », tội gì mà phải đi « mượn tiếng Tàu là « *Họa-đồ* », « *Kinh-lý* », « mà sài, sao không lấy chữ Géomètre mà nói « trại một chút theo giọng Annam mình là « *Ghê-ô-mết* » mà xài ? »

Chủ-bút An-hà bảo đừng dùng chữ Hán thì rất phải, còn bảo đều bắt tiếng Langsa mà đè mà ém, mà nhét vào tiếng Annam mình thiệt là cực bậy. Tiếng Langsa là tiếng cai-trị (langue officielle) nước ta ngày nay thiệt là rất thạnh, rất rành rẻ lắm lắm nó cũng vạch cũng chung vô tiếng nước mình, cũng như những tiếng : ga (xe-lửa), ba-lông, bù lôn, (boulon), đô xiê, cách son, cạt-lông, phá-mách v. v., đã vạch đã chung vào tiếng Annam mình rồi, cần gì phải nhọc lòng chủ-bút An-hà bắt mà nhịn mà ém, mà đút nó vào đâu !

Chủ-bút An-hà nói : Tội gì phải dùng tiếng chệt như tiếng *Họa-đồ*, *Kinh-lý* ? Tôi cũng nói theo : « Tội gì phải dùng tiếng chệt như tiếng Họa-đồ, Kinh-lý ? » Chủ-bút An-hà nói phải dùng tiếng Ghê-ô-mết (Géomètre) (!), thì tôi chẳng nói theo, tôi xin hỏi lại « Tội gì phải dùng tiếng Ghê-ô-mết ? sao lại không dùng tiếng Annam của mình mà chỉ nghĩa ấy ? Sao lại không dùng tiếng : « *Người đo-đất* » ? Còn như muốn tưng trọng người làm chức việc ấy thì có khó gì đâu ; cứ để tiếng : « quan », « ông », « ông quan », v. v., ở trước tiếng *Đo đất*, (Quan đo-đất ; ông đo-đất ; ông quan đo-đất ; quan-lớn đo-đất) thì nghe cũng lịch sự cũng êm tai vậy mà !

Bởi một phía thì những người già tiếng Langsa như Chủ-bút An-hà, những người An-nam mà dân Langsa như Chủ-bút An-hà muốn lấy tiếng Langsa mà ép tiếng nước nhà mình, còn một phía thì những người mà chữ Hán nó thấm vào xương vào thịt, mà mình An-nam mà đầu óc chệt, những người mà muốn cho thiên-hạ khen mình giỏi chữ Chệt, đều muốn lấy chữ Chệt mà làm tiếng nước mình ; bên này ép qua, bên kia ép lại, vậy thì còn gì là tiếng An-nam của nước nhà ta, còn gì là tiếng mẹ đẻ của ta ! Nào là người khẳn-khái, nào là người máu thịt An-nam, nào là người thương tiếng mẹ đẻ đâu tá ! Cớ sao vẫn bặt chẳng ra tay mà gìn giữ tiếng nước nhà ta ! Đợi, đợi và đợi một ngày một vắn ! Đợi, đợi và đợi mà chưa thấy ai !

Đau lòng sủng sủng nỗ, đau lòng gỗ gỗ kêu — nên tôi phải ra vai chống vát. Ai là người thương tiếng An-nam, tiếng mẹ đẻ, xin giúp tôi với nào !

Sáu mươi năm trước, khi Nhựt-bổn mới bỏ cũ theo mới, lấy sự văn-minh của Âu-Mĩ mà làm nêu, thì tiếng nước Nhựt-bổn cũng thiếu đầu thiếu đuôi vậy, có lẽ thiếu hơn tiếng nước mình ngày nay. Trong mấy khoa như là ngoại-giao (diplomatie), chánh-trị (administration) v. v. thì người Nhựt-bổn chịu khó đặt tiếng ra, lấy tiếng cũ ráp lại mà làm nghĩa mới (former des néologismes) mà dùng. Khi Trung-quốc duy-tân, nhà-nước với bọn cách-mạng mắng lo kình chống nhau, chẳng ai ngồi yên được mà đặt tiếng ra mà dùng. Vả lại lúc ấy học-sanh của Tàu qua ở Nhựt-bổn có hơn một triệu mà học các khoa, tới chừng về nước, chúng nó đem tiếng Nhựt-bổn (chữ Nhựt-bổn mới đặt ra) về mà dùng — cho đến đổi lúc đãi yến tiệc, hô « vạn-tuế » chúng nó cũng dùng tiếng Nhựt-bổn « Banzaï » ! Mắng vậy nên chữ của Nhựt-bổn đã đặt ra chung vào tiếng Trung-quốc mới nhiều. Bây giờ An-nam ta cứ việc ngồi yên mà bắt chước lại Tàu !

Trí biến hóa của người An-nam ta chẳng phải thấp-thỏi hơn trí biến-hóa của người Nhựt-bổn đâu. Nếu chúng nó đặt chữ ra được mà dùng thì ta lại làm chẳng được ư ? Được chớ ! Song trong sự đặt tiếng mới ra phải nhiều công, phải nhiều mệt trí mới được — mà người nước ta có tánh lười lớm, ít người chịu ra công, ít người chịu mệt trí, hễ thấy sẵn thì mượn đỡa mà xài the ! Bởi thế mới sanh ra đều tệ : là

đều đem nhiều chữ Hán vô tiếng nước nhà mình mà dùng, mà làm cho tiếng nước mình trở nên khó, làm cho tiếng nước mình sẽ trở nên một thứ tiếng Tàu nói trại ra mà thôi !

Có người nói tiếng nước ta nghèo cũng như người đói, nếu ta đem chữ Hán vô mà dùng thì tiếng nước ta sẽ nuốt những chữ Hán ấy mà bồi bổ lấy nó, ngày kia nó sẽ trở nên giàu có no đủ.

Một vài mươi, một vài trăm tiếng rất cần dùng, mà ta chẳng có thế nào đặt tiếng mới mà dùng thì có lẽ tiếng ta nuốt vô rồi tiêu hóa được, chớ nếu tiếng nước ta nuốt chữ Hán nhiều quá, tiêu hóa chẳng nổi, những chữ Hán sẽ trở lại mà hại tiếng ta phải chết. Té ra chữ Chệt trở lại nuốt tiếng nước nhà mình !

Anh em ai có bụng thương tiếng An-nam, thương tiếng mẹ đẻ, muốn cho tiếng nước ta đứng hẳn riêng một cõi, thì phải : *Ráng sức tìm tòi, suy xét, đặt tiếng mới, nghĩa là ráp tiếng cũ mà chỉ nghĩa mới (former des néologismes), mà dùng chừng nào cùng cực lắm không thế nào đặt tiếng mới cho gọn ghẽ được, chừng sẽ mượn tiếng nước khác mà xài.*

(b) *Cách mượn tiếng nước khác mà xài*

Nếu cùng chẳng đã ta phải mượn tiếng nước khác mà xài thì ta phải mượn tiếng nước nào bây giờ ?

Ta chắc Chủ-bút Nam-phong và các Chủ-bút khác cùng các nhà nho sẽ trả lời rằng :

« Phần nhiều tiếng nước ta đương « dùng mà viết mà nói gốc bởi chữ Hán « mà ra, và bởi tiếng ta với tiếng Tàu « một giọng (đồng âm) với nhau, vậy « thì mượn tiếng nước Tàu là phải. Vả « lại các đấng văn-hào nước ta, ông cha « ta ngày trước đều mượn chữ Hán mà « dùng (coi Kim-vân-Kiều, thơ Bạch-« Viên, Vân-Tiên, v. v. thì rõ), vậy nay « ta cũng nên noi lấy đó là phải ! »

— Các ngài nói vậy nghe dường như có lý đó chút, song các ngài phải rõ rằng : các đấng văn-hào nước ta, ông cha ta thuở trước chuyên có một nghề học chữ Hán chớ có học tiếng học chữ nước nào khác nữa đâu, biểu sao các ông đừng mượn chữ Hán mà làm tiếng của mình ! Buổi xưa các ông biết có bấy nhiêu đấy, thì các ông làm như thế thì chẳng trách các ông được, vì cơ-hội buộc các ông phải làm. Nay ta-biết nhiều, thấy nhiều, nghe nhiều, ta ngày nay chẳng chuyên một sự học chữ Hán mà thôi, nếu ta cứ nhắm mắt mà làm theo ông cha ta thuở trước thì ta có mở mang gì hơn các ông đâu, nếu ta cứ làm như các ông hoài thì tội ta biết đáng mấy !

Nói cho cùng mà nghe, các nhà văn nước ta thuở trước, tuy là nhà nho rặc-rồi, cũng ráng mà dùng tiếng mẹ đẻ ta mà đặt để, song được một vài đôi rồi cũng lòi chữ Hán ra, vì chữ Hán đã ở trong máu trong thịt các ông rồi, chẳng trách được. Cho biết các ông ráng sức mà tỏ những trí-tưởng ra bằng tiếng mẹ đẻ của ta là dường nào, ta xin kể vài khúc văn quốc-ngữ ra đây cho các ngài coi coi tiếng An-nam ta có ý tứ sâu xa chăng, đọc có sướng miệng, nghe có êm tai chăng ?

Trong Kim-vân-Kiều hàng 269 — 274.

Lơ-thơ tơ liễu buông mành,
Con oanh học nói trên nhành mỉa-mai.
Mấy lần cửa đóng then gài,
Đầy thềm hoa rụng, biết người ở đâu,
Tần-ngần đứng trót giờ lâu,
Dạo quanh chợt thấy mái sau có nhà.

Cũng trong Kim-vân-Kiều :

Thọc-trời khuấy nước, mặc dầu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai ?

Nguyễn-Du

Trong Chinh-Phụ-Ngâm hàng 25 — 32.

Ngoài đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Đưa chàng lòng dặc-dặc buồn,
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền,
Nước có chảy mà phiền chẳng tả,
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây,
Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,
Bước đi một bước dây-dây lại ngừng.

Những chữ Hán như là chữ : Bộ, thủy, thuyền, phiền, tả, khuây, v. v. đều là tiếng thường dùng mỗi ngày, nó đã thành Annam trước khi Thị-Điểm dịch bài nầy.

Còn Bài thơ tám câu nầy,

Qua đảnh đèo-Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lụi cụi trong núi tiều và lão,
Rải-rát bên khe xóm mấy nhà,
Nhớ chúa đau lòng con quốc-quốc,
Kêu người mỏi miệng tiếng đa-đa,
Dừng chơn ngảnh lại : trời, non, nước.
Một tấm tình riêng, ta biết ta !

Tiếng mẹ đẻ ta mà đặt như vầy thì có thua tiếng nước nào ở đâu ! Ai chỉ cho tôi một bài thơ, bất kỳ là tiếng nước nào, tả cảnh cho hơn bài thơ nầy — vẽ bức tranh, vẽ cái tableau (tấp-blô) mặt trời chiều trong núi cho khen hơn bài thơ tiếng Annam ta đây. Tiếng Annam ta dỡ lắm ư ? Tiếng Annam ta thua tiếng nước nào dư ?

Vả lại từ hồi có nước ta tới bây giờ đây, dẫu cho làm mọi Tàu cũng vậy, mà cho độc-lập cũng vậy, cái chữ cái tiếng trị nước, trị dân ta đều là chữ nước Tàu, tiếng nước Tàu nói trại — bởi vậy cho nên trải mấy ngàn nam đó tiếng nói của nhà quan cùng nhà người có ăn học đều là tiếng Tàu pha lộn với tiếng Annam ta, lấy tiếng nói ấy làm tiếng lịch-sự, càng ngày càng thành ra tiếng của ta. Ấy cũng tỷ như lúc Langsa-Normand qua lấy nước Ănlê, tiếng sang trọng trong nước Ănlê là tiếng Normand, còn tiếng hèn hạ dân giả là tiếng Ănlê ròng. Khi đời Langsa-Normand hết trị nước Ănlê, thì tiếng trong nước Ănlê cũng lộn xộn như tiếng nước ta bây giờ, vì lúc ấy tiếng Ănlê bị phát-ách tiếng Langsa ! Hai tiếng dành giết lẫn nhau, nuốt lẫn nhau, tranh đấu nhau trải ngoài mấy trăm năm, đến sau tiếng Ănlê thắng, nuốt và tiêu hóa tiếng Langsa. Một nhà văn Ănlê, ông Walter Scott, trong cuốn I văn hoe, là tiểu-thuyết về phong tục lúc mà tiếng Langsa là tiếng trị-dân Ănlê, có câu nói chơi rất ngộ : Khi con heo, con bò nó ở với người Ănlê nhà quê thì nó gọi là « *pig* » là « *ox* », còn khi nào nó ra thành thị, cạo gọt sạch sẽ, nấu nướng thơm tho, dọn nơi bàn các ông quan lớn Langsa, thì nó vào làng [1] Langsa, gọi nó là « *pork* » là « *buf* » !

Ở trên thế-giới nầy nước nào là nước có tiếng mà dùng cho đủ ? nước nào là nước chẳng đặt tiếng mới, nước nào là nước chẳng mượn tiếng của nước khác mà dùng ?

Trong sự mượn tiếng thì người ta chẳng có mượn ròng tiếng của một nước đâu. Bất kỳ nước nào mà có tiếng gọn ghẽ, đủ nghĩa thì người ta mượn mà dùng. Như tiếng Langsa gốc ở tiếng Latin mà ra, nào tiếng Langsa có mượn ròng tinh những tiếng Latin mà đem vào tiếng Langsa mà dùng đâu — tiếng Langsa còn mượn tiếng Grec (Hilạp), tiếng Anlê, tiếng Hiphanho, tiếng Á-rập v. v.. Như tiếng Ănlê gốc ở tiếng Anglo-Saxon mà ra, nào họ có mượn ròng tiếng Anglo Saxon dâu, họ mượn tiếng Langsa, tiếng Latin, Grec, Gaelic, v. v. mà làm tiếng của họ.

(1) Vào làng = vô đàn

Bởi vậy cho nên mấy nước ấy mới có tiếng quốc-ngữ đứng riêng một cõi, chẳng dựa vào ai. Nếu một thứ tiếng nào mà cứ tiếng gốc mà mượn ròng hoài thì sao khỏi thành ra tiếng ấy — nói lý mà nghe, nếu tiếng Langsa cứ một mình tiếng Latin mà mượn mãi thì lâu ngày tiếng Langsa có còn tiếng Langsa ở đâu !

Tiếng nước ta nay cũng vậy, gốc ở bởi chữ Hán mà ra, nếu nay ta chẳng nuôi nấng tiếng của ta còn sót lại, chẳng lấy tiếng Annam còn sót lại đấy mà ráp làm tiếng mới đặng chỉ nghĩa mới, chẳng mượn tiếng nước nầy nước nọ vô mà dùng, cứ đề mượn có một mình tiếng Tàu hoài thì lâu ngày tiếng Annam ta sao khỏi thành một thứ tiếng ấy. Vậy trong khi thiếu tiếng và chẳng thế gì đặt tiếng mới mà chỉ nghĩa ấy cho được, thì ta chẳng cần gì mượn một mình chữ Hán mà thôi, kia tiếng Langsa là tiếng cai-trị nước ta sao chẳng mượn mà dùng.

Phép mượn tiếng, hễ coi tiếng nào gọn ghẽ, rành rẽ, êm ái, đủ nghĩa, đúng nghĩa thì mượn mà dùng, bất kỳ tiếng nước nào. Tỷ như tiếng Lục-xi (Look-see), bồy (boy), bích-tết (beefs-teak), phút-banh (football), v. v. đều là tiếng Anlê đã chung vào làm tiếng ta rồi ; tiếng mã-tà (là tiếng Hiphanho nghĩa là giết, chém, mà người Lục-tỉnh dùng mà chỉ linh-gát-đường) ; tiếng cùlao (là tiếng Pulao của tiếng Malay, v. v.

Có người lại nói giọng tiếng nói mình khác giọng tiếng bên Tây xa lắm, nếu mượn tiếng Tây mà dùng không tiện; đề mượn tiếng Tàu mà dùng vì giọng nói tiếng Tàu mưỡn tượng giọng tiếng nước nhà mình.

Tôi xin trả lời như vầy :

(I) Tàu mượn nhiều tiếng bên Tây mà dùng, nay ta tội gì mà chẳng mượn ngay những tiếng bên Tây ấy mà dùng đề đi mượn vòng quanh của Tàu ? Những tiếng như Europa (Europe), América (Amérique), Asia (Asie) Africa (Afrique) London (Londres) Washington, v. v. cùng các tên xứ khác thì người Tàu bắt chước theo giọng Anlê mà âm ra chữ Hán :

Theo giọng của người Tàu đọc thì ra : Du-lô-pa, Amê-lị-ca, Á-xị-a, Á-phi-lị-ca, Luân-đân, Pha-xịnh-tốn, v. v., trại trại song nghe còn hiểu được. Tới phiên mấy ông biết chữ Hán, mượn tiếng của Tàu mà đọc theo giọng Annam thì nó thành ra : Âu-lâu-ba, Á-mỹ-lợi-ca, Á-tế-á, Á-phi-lợi-ca, (rồi làm biến nói tắc nó thành ra Âu-châu, Á-châu, Mỹ-châu, Phi-châu) ; Luân-đôn, Hoa-thạnh-đốn v. v. nghe có hiểu đâu là đâu !

Còn tiếng Paris, Français, Saïgon, v. v. người Tàu nói theo giọng Langsa mà ăn chữ Hán. Theo giọng của chúng nó thì đọc Pa-li, Phà-lăn-xày, Xày-còn, nghe con gần gần, hiểu còn được ; tới phiên mấy ông Annam học chữ Hán móc đầu móc đích, đọc theo giọng Annam thì nó hóa ra : Pha-lê, Phật-lang-Tây, Tây-Cống, nghe ra nào ai có biết chi là chi ! Saïgon là nền thành của nước nhà mình, họ chẳng thèm đọc theo giọng mình, đọc theo chữ Hán thành ra Tây-Cống, ai mà không nỗi dóa cho được !

Nếu cho thí-dụ hoài thì mấy tờ giấy chép cũng đầy ; vậy thì, lấy sự ích lợi chung làm trọng, ta phải đồng lòng tuân theo luật nầy :

Các nhà làm nhựt-trình, tập chí cùng cùng các nhà làm sách chữ quốc ngữ, khi muốn viết tên xứ nào, tên thành nào thì phải viết y theo tên trong bản-đồ thế-giới của nhà nước. Còn viết tên người bên Tây hay là bên Huê-Kỳ thì phải viết y, rồi âm giọng đọc ra một bên. (Ấy là một bước vào

đường « *hợp một* » tiếng Annam ta — (c'est un pas vers l'unification de notre langue).

Tiếng Nhựt-bổn gốc cũng ở tiếng Tàu mà ra, (tỷ như : then-khi = thiên-khí ; Xíc-cừ-đỏ = Xích-đạo) song le khi chúng nó thiếu tiếng thì chúng nó đặt tiếng ra mà xài, nếu có mượn thì nó chẳng mượn ròng chữ Tàu, nó mượn tiếng của các nước bên Tây mà xài. Những tiếng kể sau đây là tiếng Nhựt-Bổn gốc ở bên Tây mà ra :

Xaru = con khỉ (bởi tiếng Langsa « singe » mà ra, giọng Nhựt-bổn nói không sửa nên thành : xa rù)

Mi-rù-kư = sữa (bởi tiếng Ăn-lê Milk (mi-lỏ-kỏ) mà ra).

Colar = cổ-áo (bởi tiếng Ăn-lê « colar » mà ra)

Pàng = bánh mì (bởi tiếng Langsa « pain » mà ra) v. v...

Còn những tiếng dùng trong Lý-học, Hóa-học, cơ-khí-học, v. v., tiếng nào nó đặt tên chẳng được thì nó mượn của Ăn-lê và của Langsa mà dùng.

Hai lẽ kể trên đây cũng đủ trả lời câu nói rằng giọng tiếng nói của ta khác giọng nói tiếng Tây, khó mượn mà xài đặng ! Tôi xin nói cho ngài rõ rằng cái giọng nói Annam nói theo tiếng nào cũng sửa hết, sửa hơn các nước khác.

III — *Ta có cái lịch sử ngoài 4 ngàn năm nay, và trải mấy nghìn năm ấy, tiếng nói ta, chữ ta và lịch-sử ta đều dựa, đều nói theo bên Tàu, nay nếu ta chẳng nói theo nữa, bỏ vức đi, thì chẳng phải là quên gốc gát lắm ư ?*

Nếu dân Langsa cứ nói theo thói xưa mãi, không vẫy vùng một chuyến năm 1789 thì làm sao mà có nước Pháp rất văn-minh, rất thong thả, rất giỏi giắng ngày nay ? Nếu Nhựt-Bổn mà noi theo ông bà chúng nó ngày trước, cứ bắn cung tên, dùng gươm giáo, chèo ghe bơi xuống mãi thì làm sao cho có cái Nhựt-Bổn mạnh mẽ ngày nay ? Lịch-sử bốn ngàn năm trước của ta, ta vẫn giữ, song le lịch-sử nước ta ngày nay, ta phải dùng cách mới mà ghi chép chuyện mới, sự học mới.

Tiếng nói ta ngày xưa dựa theo thằng Tàu, tiếng nói ta ngày nay phải đứng riêng một mình, chẳng thèm dựa nó nữa ! Người Annam phải nói tiếng Annam !

Ta phải có cái lòng thương nước, thương dân (patriotisme), thì ta mới biết thương cái tiếng nước ta, thì ta mới muốn cho nó đứng vững riêng một mình nó một cõi ! Ta phải có tiếng riêng của ta mà đựng cái hồn nước ta ! Ta phải biết người Tàu là kẻ nghịch rất nên lợi hại của nước nhà ta : hiện bây giờ nó đương *rút* máu *tốt* thịt tươi của nước nhà ta (mà nhứt là xứ Nam-kỳ), bao nhiêu mối lợi to nhỏ chi cũng về tay nó tất cả ; hiện bấy giờ nó ở nước ta sanh con đẻ cháu trong nước ta, nhờ đồng tiền hột lúa của ta ăn cho mập thây rồi trở lại khi chúng ta, đến đỗi lập trường học trong nước ta mà không cho con em ta vào đó mà học, nó chỉ để dạy giỗ nòi giống nó mà thôi ! Phải mở con mắt ra mà coi cho thấy đặng cái họa Xinô ! Phải mở lòng thương nhà nước Anh Cả ta, nhà nước mở mang ta, nhà nước Pháp rất rộng rãi, xin nhà nước giúp sức với ta mà trừ cái họa Xinô ! Phải mở mang sự học hành ta ra cho rộng, phải thêm sự ghét chệt mới ngừa cái họa Xinô ấy được !

Anh em ôi, quân Tàu là quân nghịch của ta, thế sao anh em còn nương theo nó ? Hay là anh em không tới một đốm lửa thương nước, thương dân,

thương tiếng mẹ để ta sao mà cứ lo mượn tiếng Tàu mà làm tiếng mình hoài vậy ? Nếu anh em còn thiếu những tánh làm người ấy thì hãy để cho tôi bơm nó vào mạch, chít nó vào gân cho !

Đừng nói chi đâu xa, nói ngay lúc mới khỉ sự cái giặc rúng trời rúng đất nầy cho anh em dễ thấy. Khi trước giặc cái Đế-đô Nga-la-tư gọi là St Pétersbourg, khi có giặc Ngalatư ghét quân Đức là quân nghịch của chúng nó, nó ghét luôn cái tiếng nói của quân thù nó, và bởi tên St Pétersburg là tiếng Đức, nên chúng nó đổi lại làm *Pétrograd*.

Còn quân Đức cũng vậy, chúng nó chẳng thèm dùng tiếng Langsa là tiếng của người thù của nó, nó bỏ những tiếng của nó đã mượn của tiếng Langsa như tiếng : coiffeur, bureau, v. v., để đặt của tiếng nước nó mà dùng.

Một chút đó cũng đủ làm gương cho những người ham dùng chữ Hán trong khi đặt để tiếng Annam đặng cho người ta khen rằng hay chữ !

Khoa học tiếng Annam (*philologie de la langue Annamite*), **và sự Hợp-một tiếng Annam** (*et l'unification de la langue Annamite*).

Tôi xin hỏi một câu nầy : Trong nước ta, người Annam nào là người có học tiếng Annam.

Tôi hỏi như thế, vậy xin các ngài tự hỏi lại lấy mình thử coi từ nhỏ tới lớn các ngài có học tiếng Annam chăng ?

Không !

Các ngài có học tiếng Langsa, chữ Hán, tiếng Ănlê, v. v. còn các ngài *chớ hề khi nào* học tiếng Annam ! ! Lớn lên nghe cha mẹ anh chị cùng người lớn nói thì bắt chước mà nói, chớ nào ai có học nghĩa, có xét lý, có độ, có so tiếng nầy với tiếng kia kia ở đâu ! Một cái tiếng mà không học thì sao gọi rằng biết cái tiếng ấy được. Người Langsa, người Ănlê mà chẳng học tiếng Langsa, tiếng Ănlê thì làm sao mà nó cho trúng được, biết cho nhiều cho giỏi được. Người Annam ta cũng vậy nếu chẳng học tiếng Annam thì tài gì mà biết lắc lèo nó cho được !

Người Annam, ai là người có học tiếng Annam ?

Không ai trả lời có, vì chẳng có một ai ! Không, không có một ai học tiếng Annam, xét nghĩa, vạch lẽ của tiếng Annam ra.

Không học, không biết tiếng Annam, sao các ngài dám nói rằng tiếng Annam là nghèo, không đủ mà dùng. Không học, không suy, không xét thì làm sao mà biết đủ biết thiếu ? Các ngài học chữ Hán, chữ Langsa, Ănle, chữ Latin, v. v. thì các ngài buộc phải biết mấy thứ tiếng ấy hơn tiếng Annam, ấy là lẽ tự-nhiên. Các ngài bỏ quên, bỏ mất tiếng Annam rồi trở lại nói tiếng Annam nghèo, không đủ dùng ! Có học, có xét, có suy thì nó mới nẩy ra chớ, còn như bỏ nó xó góc hoài biểu sao nó đừng lu, đừng móc, đừng hư, đừng mất !

Người Annam mà không học, không suy không xét tiếng Annam cho biết sao dám xưng dám gọi mình là Annam?

Cái tệ ta đã thấy rồi nên ta phải kiếm đường mà trừ. Vậy nay ta cả-kêu : Ô' hỡi Annam ? Hãy lập hội mà học tiếng Annam, xét tiếng Annam, suy tiếng Annam, nghiệm tiếng Annam, lo ráp những tiếng cũ lại đặng chỉ nghĩa mới (former des néologismes). Những tiếng nào ta không có thì hãy đặt ra mà dùng. Các tỉnh đều phải có ít nửa là một cái hội học tiếng Annam để làm những điều ta kể sơ trên ấy, mà các hội phải làm như vầy đặng hợp một (unifier) cái tiếng của ta, cho đặng người Annam bất kỳ ở đâu – Trung-kỳ, Bắc-kỳ, Nam-kỳ, Nam-Vang, Lèo — hễ viết ra thì cũng đều dùng một thứ tiếng.

Điều thứ nhứt. — Ta phải mượn Nam-phong Tập-chí mà làm Hội-chánh, mượn vài tờ trong Nam-phong mà ghi chép những điều của ta tìm tòi được.

Điều 2. — Mỗi tháng mỗi hội ở các nơi đều phải gởi về cho Hội-chánh tại Nam-phong Tập-chí một cái rapport (rập bo).

Điều 3. — Xin các nhà chuyên môn về bất kỳ khoa học nào đều phải gởi những tiếng mới của mình đặt ra, hay là những tiếng của mình ráp lại đặng chỉ nghĩa mới, cho Hội-chánh tại Nam-phong biết.

Điều 4. — Hội-chánh sẽ góp rấp-bo của các hội ngánh ở các nơi mà in chung làm một tập, rồi gởi đi cho mỗi hội ngánh và mỗi nhà nhựt báo chữ quốc-ngữ trong cõi Đông-dương một tập.

Điều 5. — Các hội ngánh phải suy xét, tìm tòi, vạch bẻ coi cái nào đáng để, cái nào nên bất rồi viết ra cho rõ ràng, rồi đợi tới kỳ gởi rấp bo thì gởi luôn ra cho Hội-chánh.

Điều 6. — Hội-chánh sẽ lọc những lời bẻ bác của các hội ngánh mà in làm một chương và gốp rấp bo mới in làm một chương, đóng lại thành tập gởi đi khắp nơi như cũ.

Điều 7. — Lọc lựa cho đến sức, bàn luận cho hết lẻ, chừng nào mà nên dùng thì sẽ được in vào chương « Tự-điển Hàn-lâm » của Hội. Chừng khắp trong nước phải dùng theo chữ ấy mà viết, mà nói mà dạy trẻ con trong các trường.

Điều 8. — Hội-học tiếng Annam sẽ phụ thêm một chương cắt nghĩa những tiếng trong Nam-kỳ dùng mà Trung-kỳ Bắc-kỳ không biết và những tiếng Bắc-kỳ Trung-kỳ dùng mà Nam-kỳ không hiểu nghĩa.

Tỉ như :

(Nam-kỳ) xoài = (Bắc kỳ) quéo, mồm
» trái = » qua.
(Nam-kỳ) muỗng = (Bắc-kỳ) thìa, xuồng.
» hoài (nói hoài) = Bắc-kỳ = mãi (nói mãi).
Bắc-kỳ, khâu = Nam kỳ, đẹp, xinh, lịch-sự, tốt, ngộ.
Bắc-kỳ, khâu trai = Nam-kỳ, lịch-sự trai.
» Bố = Nam-kỳ, Cha.
(Nghệ-an), Bên ni = Nam-kỳ Bên nầy
» » tê = » Bên kia, v. v.

Điều 9. — Bất kỳ ai có tiếng gì mới hay ráp được những tiếng gì đặng chỉ nghĩa mới thì được phép gởi cho Hội chánh hay (hay là hội ngánh nào cũng được).

Điều 10. — Người Annam nào mà thương tiếng mẹ đẻ thì phải giúp hội tiếng Annam nầy.

* * *

Chẳng phải là tôi muốn hơn thua với Chủ Bút Nam-phong hay là ai mà tôi viết bài nầy. Ấy là thương tiếng Annam, tiếng nói của người Annam sống trên mặt đất nầy, nó bắt tôi phải nói. Bài nầy viết ra đặng để cái sự tư-tưởng về tiếng mẹ đẻ của ta vào trí mọi người Annam. Vả lại ta nay sanh nhằm đời văn-minh, đời lấy lẽ công mà luận, lấy lý phải mà bàng mọi việc có ích lợi chung, vậy tôi xin mời mọi người Annam từ ranh Tàu cho tới mũi Cà-mau, từ mé biển Tàu cho tới mạng Lên tê sông Cửu-long-giang, cùng người Annam đi ở các nước phải nghĩ tới sự ích lợi chung của nòi giống con nhà Annam, lấy lẽ công chớ đừng dùng lẽ riêng tư mà phê bình cái thư ngỏ của tôi.

Trong cái thư ngỏ nầy nếu có lời chi mích bụng các ngài xin các ngài phải nghĩ rằng tôi vì sự thương tiếng nói của nước nhà mình quá lẽ, vì sự ích lợi chung, chớ chẳng có ý chi riêng, mà miễng phiền thì tôi rất cảm ơn.

Cầu cho cái sự ước ao của tôi nó thành-hình được !

Nam-Kỳ NG.-H.-V. *lai-cảo*

VĂN-UYỂN

BÀI CA KHUYÊN ĐỒNG-BÀO NƯỚC TA NÊN MUA VÉ QUỐC-TRÁI

Cuộc Âu-chiến mấy năm dằng-dặng,
Anh em ôi lắng-lặng mà nghe !
Thổ kia tan nát thành tri,
Áo kia sức kiệt binh bì đã lâu,
Đức kia cứ đâm đầu chạy mãi,
Bảo kia cam bó gối chịu hàng.
Tưởng chi là giống Điêu-đương,
Phen này âu hẳn thịt xương tan-tành.
Thử nhìn khắp tập tranh trận-địa,
Lại xem tường quyển sử chiến-tranh.
Quân kia tham-bạo hoành-hành,
Quân ta trung-dũng nhiệt-thành biết bao !
Tiền quân phí tổn hao kể triệu,
Trái-phiếu này trái-phiếu thứ tư.
Ai ôi xin chớ làm ngơ,
Một phen này nữa, tảo-trừ giống man.
Nhớ đương độ hung tàn đác chí,
Tác thua rồi lại Tì mất theo.
Đăm-đăm cái miệng hùm beo,
Ma-vương ỷ sức, thiên-kiêu cạy tài.
Rắp toan những nuốt tươi ăn sống,
Thịt dê người, bằng súng thanh gươm.
Nhân-quyền di tựa cỏ rơm,
Xem khinh công-pháp, coi nhàm ước-thư.
Đạn phun lửa đốt bừa phô-xá,
Tàu ngư-lôi đánh cả thuyền buôn.
Hại thay ! bà-vá trẻ-con,
Trời ôi ! biết mấy là hồn chết oan !
Mảm nhân-đạo trâu cày ngựa dạp.
Lầu văn-minh gió giập mưa sô.

Đồng-bào Nam-việt ai ôi !
Đem tiền kíp chuộc máu người thế-gian !

Cõi đời thối nát như dưa !
Loài người thối đến bây giờ ra đo !
Ta dù có tiền kho bạc tủ,
Liệu còn chăng với mỏ vọ đen ?
Nay giao mai thớt liền-liền,
Chim lồng cá chậu dễ yên được nào ?
Mấy châu đất, Á, Âu, Phi, Mĩ,
Mấy giống người, vàng, đỏ, trắng, đen,
Mấy ngàn năm lẻ văn-minh,
Dệt thêu biết mấy công-trình tô nên !
Trời đâu nỡ điểm-nhiên tọa-thị,
Cho giống man dác-chí hoành-hành.
Pháp ta xướng nghĩa dễ binh,
Kéo cờ bác-ái, đóng thành tự-do.
Chuông vân-tội vừa khua mấy tiếng,
Nghĩa đồng-cừu, bòn biển xung gan ;
Ghé vai chung gánh hà-san,
Anh, Nga, Nhật, Ý một đoàn liên-quân ;
Thêm nước Mỹ vào phần danh-dự.
Mấy lần khơi chở của chuyên quân ;
Mạnh bè như rết lám chàu,
Binh tinh, tướng giỏng, muôn phần vẹn muôn,
Khóa tàu giặc nằm chôn biển bắc ;
Giết quân thù máu đạc sông Som (Somme).
Từ đây cọp dói cáp mồm,
Ó già mất mỏng, beo còm gẫy nanh :
Trong thế-giới binh-tranh hết vạ,
Cuộc hòa-bình thong-thả còn lâu :
Ngọn cờ ba sắc trên đầu.
No cơm ấm áo cùng nhau thái bình.
Ta lúc trước vừa kinh vừa hoảng,
Ta khi này lại sướng lại vui.
Đỡ đầu ta ấy là ai?
Ruột gan ai chẳng là người nghĩ coi!
Hạnh-phúc lớn tày trời tày bể,
Bán cho ta giá chỉ ít đồng:

Mua quốc-trái, hỡi anh em !
Kìa xem quân lính lầm-than xa-tràng !

Tấm thành phụng-nghĩa cấp-cùng,
Của tay ta khá góp cùng mấy-may.
Ta coi Pháp là thầy là mẹ;
Pháp ở ta có nghĩa có tình:
Mấy lâu công đức bình-thành,
Vì mình khai trí, vì mình hậu sinh:
Việc chính giáo vì mình chẩn-loát.
Cuộc công thương phát-đạt nhường nào!
Ơn thầy nghĩa chú biết bao!
Tưới ra đã khắp, thấm vào đã sâu;
Giây liên-lạc cùng đau cùng ngứa,
Mối cầm-tình như nhựa như sơn;
Mong sao trả nghĩa đền ơn,
Tổn hao dám quản, gian nan dám nài.
Ta hiềm nỗi hèn tài mọn sức,
Không đem thân giết giặc bằng ai.
Máu thù hòa rượu uống chơi.
Xông-pha trăm-trận ở nơi chiến-trường
Chữ «hồ thỉ tứ phương» là chí,
Nỡ lòng nào kiến nghĩa bất vi:
Cung quân phá sản không từ.
Một trăm quan qui kể chi ít nhiều.
Huống nghĩa đỏ lợi theo ở đó,
Nỗi công tư vẹn đủ hai bề;
Bạc lời tính ngót sáu ly,
Năm năm ta cứ đều kỳ lãnh ra.
Đường no ấm, thú già thong thả,
Lời thì đầy vốn chả đi đâu:
Nhà băng bảo-hiểm còn thừa,
Chẳng kiêng cướp đánh, chẳng lo trộm rình.
Rủi nước lửa thình-lình tai vạ,
Vẫn có tiền dư đủ ăn chơi.
Hơi đồng tanh ngát ai ôi!
Giải gì mà để chôn hoài mốc rêu?

Ai ôi! Đại-Pháp là ân-quốc.
Ta phải đem tiền báo nghĩa sâu.

Cũng đồng bạc biết tiêu thì quí,
Tiêu sao cho nghĩa lợi lưỡng tuyền :
Vạn-minh mua được bằng tiền,
Vốn đà không mất lời liền thấy ngay.

TUYẾT-HUY

Hỏi tội nghiêm

I

Trời để chi ra lũ bạo-tàn,
Làm cho khốc hại chốn nhân gian.
Đồng xương vô-định cao bằng núi,
Tội chú Uy liêm (*Guillaume*) đáng mổ gan.

II

Cậy giỏi tầu ngầm với máy bay,
Gia công tàn ngược ngỡ là hay,
Biết đâu sài hổ tuy răng dữ,
Bóc thịt rầm xương chắc có ngày.

III

Gớm kẻ gây nên cuộc chiến-tranh,
Khiến cho tàn-hại lũ sinh-linh.
Biết bao ma quỉ tranh đòi mạng,
Rửa cổ cho mau để tựu-hình !

IV

Thảy cao như núi máu đầy cừ,
Thảm-trạng chi bằng thê thê rư?
Một kẻ hung-tàn muôn kẻ oán,
Uy-liêm (*Guillaume*) kia chắc có ngày hư?

Bọn ta giòng thánh nòi thần.
Nhờ ơn Đại-Pháp có phần bình yên.
Báo ơn ta phải đem tiền !

V

Súng bắn xa xa thuốc ngạt hơi,
Ra tay tàn hại biết bao người,
Bạo Tần cường Hạng còn chang tá,
Mà cái ô-danh để vạn đời.

Mừng thắng trận

I

Ngọn cờ ba sắc dứng đầu ra,
Vì nghĩa công nên cố sức mà.
Vác súng nghiến răng lên mặt trận,
Lấy đầu quân giặc quyết không tha.

II

Đắc-thắng Đồng-minh nghe vẫn tiền,
Thua mưu Đức-Áo đã gần hòa.
Ấy cơ toàn thắng từ đây chắc,
Mấy chốc mà tâu khúc khải ca ?

ĐAM-XUYÊN

Khuyên cho vay

I

Ân-quốc ta đang gặp hội này,
Nhẽ đâu ta lại dám ngồi ngây.
Kẻ công người của dùm nhau lại,
Gặp dịp ta nên trả nghĩa thầy.

II

Ấy ai hàng sản kẻ hàng tàm,
Bỏ của ra mua lấy tiếng tàm.
Hơn để só hòm mà khóa chặt,
Kỳ-kỳ cóp-cóp tiếng nghìn vàm.

Mua quốc-trái, hỡi ai ơi !
Nhiều làm phúc, ít làm duyên mới là !

III

Tí của làm ơn có thiệt gì?
Được danh lại được cả lời kia.
Đút trong tủ sắt thường không vững,
Bỏ quách cho vay chẳng sướng nhỉ?

IV

Trên thời vì nước dưới vì ta,
Khẳng-khái chi nên tiếc của mà.
Mai một nên công toàn tháng hẩu,
Ân-nhân đâu lẽ phụ lòng ta,

V

Cuộc hòa sau nếu định thành xong,
Chắc hẳn dân mình cũng có công.
Nhà nước tạo thành tư-cách mới.
Có ngày mở mặt với non sông.

ĐÀM-XUYÊN

Khuyên người Annam ta mua vé Quốc-trái

I

Tin tháng Đồng-minh đến đó rồi,
Phen này quân Đức lụn mà thôi.
Đem tiền giúp sức cho mau được,
Quốc-trái nên mua hỡi hỡi ai !

II

Cần xem bèn nghĩa với bèn tài,
Nghĩa nặng tài khinh mới là người.
Hỡi chị em ta người nước Việt,
Rồng tiên là giòng há thua ai.

III

Nhờ được Lang-sa bảo-hộ cho,
Quanh năm vui thú âm cùng nô.
Báo ơn ta phải mua công-thái,
Góp gió thời nên trận bão to.

Tờ quốc-trái có bao đồng,
Xin ai sớm sớm nức lòng mua đi.

IV

Một món tiền con có mấy đồng.
Giúp thầy cho được sớm nên công
Mai sau trừ hết loài man mọi,
Cái thú văn-minh hưởng hưởng chung

V

Ta chẳng xông pha ở chiến-trường.
Những nghe mà giận giống Điên-cuồng (*Teutons*).
Nay quân Pháp đã vì ta dẹp.
Người sức, ta tiền vẹn đủ đường

VI

Chim Tích-linh kia cặp nạn nhau,
Đoái vì tình nghĩa ruột tằm đau.
Ai ơi ! Đại-Pháp là ân-quốc,
Ta phải đem tiền báo nghĩa sâu.

VII

Đồng tiền là huyết mạch quốc-gia.
Nếu có tiền nhiều mới dễ mà.
Công kia việc nọ gây nên được,
Đại-Pháp cho nên quyên tiền ta.

VIII

Quyên tiền không phải lấy không đâu,
Vay lúc bây giờ lại trả sau.
Ta giúp Lang-sa tiền đánh giặc,
Lang-sa bênh vực chúng ta lâu.

IX

Yêu nhau thời sẻ của cho nhau.
Tình mới nên thân nghĩa mới sâu.
Ta đã được lời còn được nghĩa,
Mà giây thân-ái buộc vào nhau

Mua quốc-trái. hỡi ai ôi !
Vẻ vang cho nước muôn đời còn ghi !

X

Mấy bọn nhà dầu nghệ Sét-tỵ,
Bo bo giữ của có làm chi?
Sao không mang giúp tiền công-thải,
Hút máu đồng-bào chẳng biết ghê !

XI

Công của hai bên vẹn cả hai,
Con đường nghĩa-vụ há nhường ai,
Bỏ tiền ra giúp vào công-thải,
Vừa được danh thơm lại được lời.

Nữ-sinh NGUYỄN SONG-KIM

Mua quốc-trái, hỡi đồng-bào !

I

Lấy nghĩa-vụ mà mua *quốc-trái*,
Chẳng riêng gì là gái hay trai.
Đồng-bào Nam-Việt ta ơi,
Đem tiền kíp chuộc máu người thê-gian.
Để mà trừ giống hung tàn,
Để mau hết giặc giã-man mới là.
Báo thù cho giống nòi ta.
Ta mua *quốc trái* để mà giúp quân.
Bọn ta nhờ được thanh-nhàn.
Không sang chiến-địa thời tiền giúp ra.
Lòng ái-quốc phải đem mà,
Việc này việc nghĩa thì ta phải làm.
Mua quốc-trái hỡi anh em !
Kìa xem quân lính lắm than xa-tràng.

II

Nước Pháp thắng ta tự-do,
An-măng nó thắng ta nô-lệ đời.

Nghĩ xem hỡi chị em ôi !
Mong cho cuộc thắng đến nơi phải tiền !

Nghĩ xem, hỡi chị em ơi !
Mong cho cuộc thắng đến nơi phải tiền.
Thời ta phải kíp mà quyên.
Tiền mua *quốc-trái* là tiền nghĩa-nhân.
Bọn ta giòng thánh nòi thần,
Nhờ ơn Đại-Pháp có phần bình-yên.
Báo ơn ta phải đem tiền,
Nhiều là phúc ít là duyên mới là !
Người Đại-Pháp với bọn ta,
Đều là con thảo Lang-Sa đó mà,
Dẹp gian-man lúc bây giờ,
Phúc Văn-minh đó đều là hưởng chung,
Cùng nhau ta dốc một lòng,
Đi mua *quốc-trái* cho công chóng thành.
Hỡi dân Nam-Việt bọn mình,
Phen này được tỏ lòng thành ta đây.
Mua *quốc-trái* giúp nước Tây,
Gọi là trả tỏ cho thầy tin yêu.

III

Tiền mua quốc-trái chẳng nhiều,
Quốc-dân ai nấy cũng điều phải mua.
Đánh cho quân Đức phải thua.
Cần tiền ta kíp phải lo quyên tiền.
Giúp cho quân-lính được bền,
Đợi ngày toàn thắng mới yên tấm lòng.
Tờ *quốc-trái* có bao đồng,
Xin ai sớm sớm nức lòng mua đi,
Dẫu cho người Lăng-sa kia,
Cô-hương đời phải yên vì cô-hương.
Giúp tiền cho nước về vang,
Nghĩa-dân nên giúp cô-hương đâu nài.
Đương-binh nghĩa-vụ khắp người.
Vay tiền *quốc-trái* ai ơi, xem nào !
Cùng nhau đều góp vôn-vào,
Phục bờ cõi lại sướng nào còn hơn.

Báo thù cho giống nòi ta,
Ta mua quốc-trái để mà giúp quân !

IV

Muốn cho chóng được khải-hoàn,
Quyên tiền *quốc-trái* để làm cho ra.
Cô-hương cần phải máu ta.
Cô-hương cần cả vàng ta đôi đường.
Quyên tiền để giúp cô-hương,
Nghĩa-dân há lại tiếc vàng quên danh.
Đó là nghĩa-vụ bọn mình,
Cũng là quyền-lợi bọn mình là hai.
Muốn cho vẹn được ở đời,
Thời mua *quốc-trái* hỡi người đồng-bang.
Người nào súc-tích bạc vàng,
Không mua *quốc-trái* là phường vô-luân.
Quyên tiền hỡi hỡi quốc-dân !
Lang-sa chỉ biết có phần nghĩa-danh.
Cùng là chiến thắng Phổ-binh,
Nên cầu dân giúp cho thành đại-công.

V

Mua *quốc-trái* hỡi ai ơi !
Vẻ vang cho nước muôn đời còn ghi.
Này trong cuộc chiến-tranh kia,
Lang-sa hao tổn mọi bề tài thân.
Đoái trông đó hỡi quốc dân !
Quyên tiền giúp nước một phần mới nên.
Thực là sự quá mười nhiên,
Đồng-minh toàn-thắng có phen bây giờ.
Mau mang tiền bạc giúp ra,
Để cho cuộc thắng của ta sớm thành.
Cũng là một cách để dành,
Đem vào thuế má của mình sau đây.
Đổ binh-khí Lang-sa nay,
Bằng chì bằng sắt cũng hay bằng vàng.
Ta nên mang giúp cả vàng,
Để trừ cái giống Điêu-đương hung tàn.

NGHĨA-DÂN *lai-cảo*

Muốn cho vẹn được ở đời,
Thời mua quốc-trái hỡi người đồng-bang !

Mừng thắng trận

Đại-quốc đem ơn dạy chúng ta,
Vui buồn ta chẳng phải chung à ?
Nghe tin quân Đức đà thua trận,
Lòng chúng ta đây sướng sướng là.

Sướng là nhờ được có Đồng-minh.
Pháp, Mĩ hùng-cường lại nước Anh.
Công-lý phen này thời đắc thắng.
Thế-gian hầu hưởng thú văn-minh.

Văn-minh trừ giống giã-man đi,
Đức, Áo cùng quân Thổ-nhĩ-kỳ.
Chỉ một phen này là hết kiếp,
Ở đời sức khỏe có làm chi.

Làm chi những cái thói hung-tàn,
Trời đất nào dung cái giống càn.
Ôi ! mộng bá-đồ thôi mộng thật.
Uy-liêm ơi hỡi lụy hòa chan!

ÀI-HOA-ĐÀI

Uy-Liêm đệ-nhị

(A Guillaume II)

I

Mắt trông như vọ mặt hùm tinh,
Bỗng chốc gây nên vạ chiến-tranh.
Muốn nuốt năm châu làm Bá-chủ,
Khiến cho đau đớn cả sinh-linh !

II

Sát máu là hơn chẳng nghĩ gì,
Dám đem công-pháp xóa nhòa đi.
Chắc mình làm chủ năm châu được,
Tính thắng sao không tính lúc nguy ?

Đánh cho quân Đức phải thua,
Cán tiền ta kíp phải lo quyên tiền !

III

Đánh đám tàu buôn, bắn súng dài,
Tự khoe anh giỏi với anh tài.
Tàu bay tàu lặn cùng hang hổ,
Anh đã ăn ai đã được ai ?

IV

Cùng đường túng thế lại làn-la,
Gớm nhỉ nghề anh vẫn thế à ?
Giở mặt quầy hôi chừng chẳng được,
Thời anh lại tính sự xin hòa.

V

Thôi thôi đã đến thế này thôi,
Chờ lúc sơn-cùng thủy-tận coi.
Nói chẳng ai tin hòa chẳng được,
Vểnh râu ngồi đợi chết cho rồi.

VI

Sống lâm càng thêm khuây-vầy đời,
Ỷ quyền ỷ sức đánh nhau hoài.
Con côi vợ góa vì anh cả,
Tiếng oán lời than thấu đến trời.

VII

Ông trời có mắt phải mù đâu ?
Mà để anh làm chúa địa-cầu.
Vơ-vét cho đầy lòng dục-vọng,
Khiến người thiên-hạ hóa dê trâu.

VIII

Gớm nhỉ loài ma dịch với thần,
Xem ra mới biết thực trời gần.
Tự-do nay đã treo cờ tháng,
Cái vạ nhà anh đã đến chân.

IX

Cờ hàng anh cũng sắp treo lên,
Vận nước nhà anh quyết chẳng bền.

Ai ôi ! xin chớ làm ngơ,
Một phen này nữa tảo trừ giống man !

Cái giòng hung-tàn ai dám đề,
Phải vùi xuống đất mấy từng đen.

X

Ủ, cũng làm gương để thế-gian.
Ai ơi đừng học thói hung-tàn.
Mình làm mình chịu kêu ai được,
Sao chẳng khôn mà lại chẳng ngoan ?

MÂN-CHÂU.

Bài phú lính Annam sang giúp Đại-Pháp.

(Vần : *đánh kẻ thù, chung đền ơn bảo-hộ*)

Cung kiếm ra tay, giang sơn cất gánh. Đất Pháp động binh, người Nam đi lính. Chỉ một ngọn chi cờ đào, khen ba quân chi sức mạnh. Ơn cũ trăm năm phải biết, khuyên ai ăn quả nhớ giồng : thù chung vạn quốc không dong, chẳng những đền nhà mới đánh. - Nguyên người nước Đức, chỉ cậy sức khỏe. Hòa bình chẳng giữ lợi chung, phải trái không nghĩ đền lẽ. Bỗng dưng gây cuộc binh đao, lộng quyền áp chế. Lòng tham sinh cản, ai thương được kẻ. Bất bình nổi giận, quân đồng-minh róng trống lên đường ; thấy nghĩa thì làm, nước Đại-Pháp tuốt gươm cứu thế. — Chiến cục bắt đầu, tháng tám mùa thu. Xúng nổ dùng dùng, tàu bay vù vù. Đem quân nhân nghĩa, đánh kẻ khấu thù. Kết thân vào cuộc, gần khắp hoàn cầu. Huống chi ta, phận là thuộc địa, nghĩa như thầy trò. Xưa Cao-Hoàng khai quốc gian nan, người đà sang giúp : nay Đại-Pháp gặp cơn binh hỏa, ta phải đồng cừu. — Vậy nên, vâng lời dụ chỉ, theo việc binh nhung. Nắng mưa cùng chịu, ngọt đắng cùng chung. Rắt áo ra đi, bóng ngựa câu dợp đường dương liễu ; thuận buồm thẳng chỉ, gót chinh-phu nhẹ bước tang bồng. Đua tài đua chí, ra sức ra công. Hoặc pháo thủ, hoặc tượng binh, quân thề coi hùng như cưu hổ ; khi trèo non khi vượt bể, tâm thân xem nhẹ tựa lông hồng. Oa-Mạc sông kia, phải quyết xua loài kiêu-tử. Vô-giờ núi nọ, làm cho tỏ mặt anh-hùng. — Kẻ nam người bắc, con rồng cháu tiên. Đã sang đến đây, phải làm cho nên. Việc vũ trụ đều là phận sự, nợ công danh nay quyết trả đền. Cuộc toàn thắng sắp tới, đồng bào ta cố lên. Gắng sức tòng chinh, rắn rãi tuyết sương mấy độ : một mai được giặc, về vang sử sách ghi tên. Ấy cũng nghĩ : người An-nam ta, khi còn yếu hèn.

Một món tiền con có mấy đồng,
Giúp thầy cho được sớm nên công !

Nhờ có nhà nước bảo-hộ, giữ cho dân-sự bình-yên. Văn-minh ngày một tiến bộ, dân-trí ngày mỗi thêm khôn. Người ta hết lòng khai hóa, mình còn khi nào dám quên. Vậy nhân lúc qui quốc lắm than vớt kẻ, phong trần dẹp cơn. Ta cũng ra xông pha hàng trận, gánh vác giang sơn. Để cho hoàn-cầu biết tiếng, mà vì đại-quốc báo ơn. Chẳng đem dầm nước người, chẳng kêu cũng thử : trống đánh qua cửa sấm, dầu thủng còn hơn. — Vì thế hai chữ đồng tâm, cùng nhau khuyên bảo. Góc bể bên trời, mũi gươm ngọn giáo. Về thay cho giống Lạc-Hồng, dám địch với quân Đức Áo. Hồn thương-võ ta nào có kém, đua sức liệt cường ; nỗi giã-tam nay phải nhụt dần, hết nghề tham bạo. — Khen thay những bực tài giai, những tay tuấn-tú. Ấy lính An-nam, giúp nước Bảo-hộ. Khi nên trời cũng chiều, có công người chẳng phụ. Lòng địch khái muôn người một giạ, may ra nhất chiến thành công; Rượu đáng trình ba chén đưa chân, xin chúc khải hoàn cô-thổ.

Nghĩa-viên NGUYỄN-VĂN-ĐÀO

Đức đủ thứ giại

Đánh thì có mạnh yếu được thua. Truyện thì có khôn giại trái phải. Phàn mạnh yếu được thua, tuy là quyền sức người đương cục, định khôn giại trái phải, cũng có dư-luận kẻ bàng-quan. Cuộc Âu-chiến long trời lở đất đã mấy năm tròn, ta trốc cho ta không được sinh làm dân liệt cường, mộ lắm lính sang Pháp để hân-hạnh dự phần đương-cục, ngồi xem thế-cục, bầm gan tím ruột, há bỏ tay nín mãi, không có một đôi lời góp với khách bàng-quan?

Mạnh yếu được thua, quyền sức người đương cục ta chẳng cần nói mà nói cũng là thừa : nay ta chỉ nói lẽ khôn giại trái phải mà nghe.

Pháp với Phổ vốn là *thế-bất lưỡng-lập*, trước khi chưa khai-chiến hai nước hòa lúc nào cũng là tình-thế chẳng đừng được lúc đó mà thôi. Ai cũng có thể đoán trước rằng thế nào Pháp, Phổ cũng có lần chinh-chiến rất dữ-dội. Nhân hiềm-khích muôn khai-chiến thiếu gì việc sinh-sự : nhè ngay việc *Ám-sát-thái-tử* rất tầm-thường nhỏ mọn mà giây-binh. *Binh-xuất vô-danh*, cách dùng binh Đức giại.

Muốn ngoại-công cật, mưu yên nội-trị. Cùng binh-lực phải mua chuộc dân-tình. Tình lý nhà mưu-quốc xưa nay, ấn định làm vậy. Chớ cứ lấy

---

Ai ôi, Đại-Pháp là ân-quốc,
Ta phải đem tiền báo nghĩa sâu !

quyền độc-đoán như vua Uy-Liêm Đức muốn thích chí mình, nổi tiếng mình, riêng lợi mình, giờ lối áp-chế bắt thần dân phải theo, theo thì theo chắc gì không oán, oán thì còn nói gì đến ngoại-công, đến binh-lực được nữa. Khắp hoàn-cầu người ta binh-quyền mẫu Đức riêng chuyên-chế, địa-vị cùng cảnh-ngộ vua Uy-Liêm Đức bây giờ, cho tài đến như Tần-hoàn Hán vũ cũng khó nghĩ, giỏi đến như Phá-luân đệ nhất cũng là nguy. Cách nó trị vua Uy-liêm Đức giại.

Thấy lợi thì làm, mạnh cánh thì theo, chẳng thật thà ai, chẳng ra thù ai, cách ngoại-giao trên Hoàn-cầu nước nào cũng vậy. Chớ thân ra thơn nước nào chẳng từng cùng nhau đính-ước; kẻ thù ra thì mấy nước chưa từng cùng nhau giao-binh. Vậy nên Đức khéo cư-xử ra thời những nước huynh đệ ngoài chẳng bênh thời chớ, ai nỡ hàn? Thế mà để đến nỗi bao-nhiêu nước hàn, nước trung-lập cũng thành hàn: bẻ đũa cả nam được sao? Cách ngoại giao Đức giại.

Phàm trước khi muốn dùng cách lợi-dụng thời phải suy hơn thiệt. Muốn dùng mưu phản gián thời phải cân nhắc thế tình. Với Nhật với Mỹ rõ lợi ít hại nhiều: phản-gián muốn cho Tàu cho Nga nội-loạn, thành ra thế ngoại giao của Đức càng hiểm-nghèo rõ là buộc vào mình khôn nhiều giại lắm. Và Đức nếu muốn rảng lấy thịt đè người, giả đòn non lẽ, ấn cánh thì thôi, khác cánh thì đánh, thì dùng cách lợi dụng cách phản-gián mà làm chi? Tuy *binh-bất-yếm-trá*, nhưng cách lợi-dụng cách phản-gián của Đức có làm chi? Vì hòa, hòa ngay trước, đánh, đánh ngay trước: trước đã hòa mà sau đánh cái hòa trước là mất công, trước đã đánh sau lại hòa, cái đánh trước là vô-ích. Tế ra dưỡng sức cho người, người đương-cục xuất-cục nghỉ, để cho người cục ngoại lại nhập cục, dưỡng cho người được trường lưng. Cách vận-động Đức càng giại!

Uy-Liêm ơi! Uy-Liêm ơi! dùng-binh giại! nội-trị giại! ngoại-giao giại! vận-động giại! ấy là những cái giại to rồi. Uy-Liêm ơi! An-Mang! giại rồi! Giại rồi còn biết khôn làm sao đây?

Nước Đại-Pháp ta đã khôn. Đồng-minh ta đã khôn. Nhân cái nó giại mà lại hiển-hiện cái khôn ta với thiên-hạ. Khôn giại đã bày như vậy. Chẳng nói ra ai cũng biết rằng **Đại-pháp ta hẳn thắng. Đồng-minh ta hẳn thắng. Gắng lên, gắng lên. Ai ơi góp sức giúp tiền, nhiều làm phúc ít làm duyên gọi là!**

Phạm-Xuân-Nùng

Báo ơn ta phải mua công-thải,
Góp gió vào nên trận bão to.

TẠP-TRỞ

TRUYỆN QUAN THỦ-TƯỚNG PHÁP : ÔNG CLÉMENCEAU

Ông Clémenceau là một nhà chính-trị có tiếng bên Âu-châu mà cũng là người giỏi bậc nhất trong nước Pháp vậy. Nước Pháp là nước cộng-hòa, chính-quyền về cả tòa Nội-các (*cabinet*) tự ý quan Nội-các-tổng-lý (*Président du Conseil*) lập thành ra pháp luật được, quyền chức long-trọng biết là chừng nào ! Mà ông đem cái thân già cả bảy mươi sáu tuổi đầu, gánh vác cái công việc lớn-lao ấy, vẫn mạnh giỏi như người tuổi mới trạc hai mươi. Cứ đến kỳ quốc-vụ hội-nghị, ông xuất-tịch, cao đàm hùng biện, tiếng như tiếng chuông, khiến người nghe phải khiếp phục. Cặp con mắt xanh của ông, sáng quắc như sao, oai-phong lẫm-lẫm ; tuy gặp buổi mưa cuồng gió dữ, mà coi vẫn như thường, không thấy chút gì bộ mỏi. Ông thực quắc-thước thay ! Có một nhà báo ở nước Pháp lấy tên « cọp » mà phụng huy-hiệu cho ông. Ôi ! lấy một ông cụ già ngoại bảy mươi tuổi mà còn được cái tiếng khen là ông cọp, cũng đủ thấy cái tinh-thần kiện-nhẫn cương-nghị của ông vậy.

Chỗ nhà ông ở gần một cái trường học công. Mỗi ngày sau khi tan học, học-trò trong trường xúm nhau đá cầu chơi, có nhiều khi trái cầu tung bổng vọt ra khỏi ngoài tường ; ngoài tường tức là cái vườn nhà ông, rủi ra thì ông cũng bươu đầu có lúc ; vì ông tính siêng lắm, xong buổi làm việc, hôm nào cũng ra vườn ngắm hoa cỏ chơi, lại tay trồng lấy vài thứ hoa, tự mình vun tưới lấy, suốt năm như một ngày. Ông (3) già mà ưa trang-sức, đi ra bao[illegible] cũng có giắt bông hoa ở trước ngực ; bông hoa ấy chính là ở cây hoa của ông trồng lấy được đó. Góc tường sau vườn làm một cái chuồng gà ; ông ngày nào cũng thân đến cạnh chuồng gà, cúc lượm lấy những cái trứng của gà mái ông nuôi nó đẻ ra để ăn bữa tối. Coi một vị thủ-tướng một nước kiên nhẫn cương nghị là thế, mà cái tính nhàn-dật lại như thế, thú thay !

Ông sức vóc mạnh tợn, khác hẳn người thường, là vì ông ăn uống khởi-cư giữ gìn cẩn thận, có điều độ, có chừng mực lắm ; tuy đương lúc tranh chiến, công việc bối rối biết là chừng nào, mà ông cũng không chịu nhân thế mà đổi cách ăn ở thường của ông ; cứ bao-giờ cũng đúng tám giờ tối thì đi ngủ, ngủ suốt bảy giờ đồng hồ, vừa đúng ba giờ sáng thì giậy ; nhân lúc mặt trời chưa mọc, thảo một bài luận thuyết cho nhật-báo « *Homme libre* ». Cái nhật-báo ấy chính tay ông sáng lập ra, trước đã một lần bị chính-phủ bắt đóng, sau đổi tên tờ nhật-báo là « *Homme enchaîné* », kế tục xuất-bản, đến lúc ông vào tổng-lý nội-các, lại để tên cũ. Ông mỗi sáng thảo một bài luận-thuyết tờ nhật-báo ấy, chừng ngàn rưỡi chữ ; văn dùng thể phúng-thích (*ironie*), cái thể văn ấy là tự ông tạo ra. Thảo xong bài văn, đúng sáu giờ thì ăn sáng : một chén cà-phê và vài món ăn thường ; ăn rồi ra bàn giấy ; đúng mười hai giờ lại ăn cơm trưa, nhà ăn của ông hơi rộng, bốn phía treo tinh những ảnh truyền thần các ông lĩnh-tụ Cách-mạnh nước Pháp ngày trước. Ăn trưa rồi ngủ chừng một giờ đồng hồ, lại giậy làm việc. lúc ấy hoặc ở trong phòng

riêng xem xét giấy tờ, hoặc ở tòa quốc-vụ bàn định việc chính. Đúng sáu giờ tối thì ăn cơm tối. Ông ăn có bữa cơm tối là nhiều hơn hết, có món súp, một món cá, vài món thịt, một đĩa mứt, một quả lâm-cầm, cũng không cái gì ăn khác người thường. Ăn rồi vào nhà tư, người cháu gái yêu của ông ở trong nhà đọc những văn cổ, trước khi ông chưa ngủ ưa ngồi nghe tiếng đọc sách chơi.

Ông tuy là một nhà đại-chính-trị đời giờ, nhưng cái nghề của ông làm từ hồi nhỏ thì vốn là một ông thày thuốc vạy. Ông xưa học ở trường thuốc, tốt-nghiệp sau làm thày thuốc tại Paris. Đến năm 1870, ông hăm-chín-tuổi, được bổ làm huyện-trưởng. Sáu năm sau bị cử làm quốc-hội-nghị-viên, khi ấy ông mới làm lĩnh-tụ một cái tả-phái trong đảng cấp-tiến, mà nhảy lên võ-đài chính-trị là tự đấy. Nhưng ông tuy đầu thân vào trong chính-giới mà vẫn không bỏ cái nghề thuốc cũ của ông. Ông tư-thục với hai ông thầy thuốc giỏi nước Pháp là ông Pasteur và ông Claude Bernard, sở-đắc thâm lắm. Ông lại tinh về nghề trồng đậu, nội những sách thuốc về môn học ấy, ông sưu-tập được rất nhiều. Ông lại có nghiên-cứu đến cả cái học-thuyết « trường-sinh » của ông Metchnikoff.

Gọi ông là một nhà chính-trị được, gọi ông là một nhà y-học được, mà muốn gọi ông là một nhà hùng-biện, một nhà tân-văn, một nhà giáo-dục, một nhà văn-học cũng được cả ; lấy một người mà giỏi đủ bấy-nhiêu cái, không phải thiên-tài mà được thế ư? Ông về các khoa-học, các nghệ-thuật, đều khốc-hiếu cả ; những lời của ông phê bình các bài văn, các khúc kịch, kiến giải cao hơn người-ta nhiều ; đến những trước-tác của các danh-gia nước Pháp, ông tìm-tòi được ra những chỗ vi diệu cả. Kể bực đa tài đa nghệ như ông, giá không đầu thân vào trong chính-giới, thì chắc là lấy học-thuật mà nổi tiếng trên đời ; vì cái danh tiếng của ông ở bên chính-giới to quá mà lấp mất cái danh tiếng của ông ở bên văn-học-giới vạy.

TUYẾT-HUY *dịch-thuật*

NGHIÊN-CỨU VỀ TÌNH-HÌNH KINH-TẾ NƯỚC TÀU (bài nối) (1)

(DỊCH BÁO TÂY)

III

Thực-nghiệp của nước Tàu

Chiếu theo mấy cái biểu ở trên này mà xem thì biết rằng tự khi bên Âu có sự chiến-tranh đến giờ, thực-nghiệp của Nhật-bản và các nước tuy đã tấn-bộ nhiều lắm, nhưng nước Tàu thì chưa hề lấy cái việc mở-mang những thực-nghiệp trong nước làm cần-kíp cho lắm. Tuy vậy mà Tàu là nước giàu, việc kinh-tế trong nước chỉ lấy nông làm gốc. Những cơ-khí dùng để làm ruộng tuy chưa thực khỏi những cảnh-tượng hồi xưa, nhưng tự khi loạn *quyền-phỉ* đến giờ, những người Âu-châu đã lấy những tư-bổn và nghệ-thuật đưa vào nước Tàu, thì cái nghề trồng giọt về đằng ruộng nương cũng một ngày một phát-đạt nhiều lắm. Những nếp mì trồng ở bên [illegible] và

(1) Xem *Nam-phong* số 15, trang 172-176.

những gạo mia ở bên Nam đều được cái thành-hiệu tốt lắm. Trước năm 1906, trong đất Tàu trồng những cây nha-phiện cũng nhiều, nhưng sau này lịnh cấm thuốc-phiện một ngày một nghiêm mãi, thì thứ trồng-giọt về đằng đó nhân đấy mà bớt đi, là vì cái điều-ước của Tàu với Anh đã thành lập.

Cái sự phát-triển về đằng thực-nghiệp của Tàu thiệt là một cái kết-quả rất tốt của người Âu-châu lấn sang nước Tàu mà sinh ra vậy. Người Tàu rất mê-tín những sự *phong thủy* nhằm lắm; họ đối những chuyện mở lò đúc, đắp đường và lặp công-sưởng vân vân, thì chỗ nào cũng đều phản-đối cả. Nhưng chiếu theo lời nói ông Bone de Magnoaid, (là người chuyên đạo *Roman* chịu phái sang ở Tàu) rằng: « gần mấy năm nay, những sự trở-ngại tuy khốn thiệt nhưng loại như những công-sưởng làm đồng, chế sắt thì cũng đã tùy chỗ có lặp lên cả. Hà-nam, Sơn-tây, Trực-lệ và Sơn-đông ở mấy tỉnh đó, những mỏ than đã mở ra làm cả. Vùng Bắc nước Tàu, nhân đã đặt-để các đường xe-lửa, thì cái tình-hình giao-thông cũng đã hơi lợi-tiện rồi ». Những thực-nghiệp của Tàu xưa kia tuy đã sa vào trong giấc ngủ mê, nhưng xem tình-trạng bây giờ, hình như đã thức giấc giậy để theo gót những lối đi cũ của Liệt-cường vậy. Nhưng đem cái hiện-trạng mà bàn, thì Tàu chưa cho là một nước thực-nghiệp được, bởi vì những cơ-khí về đằng công-nghiệp vận vào Tàu cũng còn ít lắm. Tuy vậy, mà cái thực-nghiệp có phát-triển được, thì tiền-đồ của Tàu mới có hi-vọng. Những cái chân-lý đó, người Tàu hình như đã biết thấu rồi. Các thứ công-sưởng trong đất Tàu bây giờ đương sửa soạn làm cũng nhiều mãi: sự thế tất đến như vậy, người chúng ta cũng đã nghĩ đến rồi. Ở chỗ Thượng-hải và Quảng-đông những sưởng để dệt lông và xe tơ bây giờ chính đương sửa soạn lặp lên cả. Kể hồi cuối năm 1914 những số sưởng to ở Tàu đã có đến 45 sở; những người làm ở trong các công sưởng ấy ước cộng có 1.250.000 người, Còn ở những thành-thị trọng-yếu khác nữa, những sưởng làm mì và sưởng làm gạo cũng đã kế-tục lặp lên. Những phép khi xưa chế mì và say gạo, bây giờ đã đổi cả. Ở gần chỗ Hán-khẩu lại có công-sưởng Hán-dương chế đồ binh-khí, cách chỗ đất mỏ nơi Đại-dã chỉ có 60 đặm-anh: kể cái qui-mô ấy cũng đã to lớn lắm. Chiếu theo cái biểu thống-kế hồi năm 1914, những cơ-khí tải-vận vào Tàu giá tiền 6.700.000 lượng bạc; cứ lấy cái lý-tưởng thường mà suy thì đến năm 1915 cái ngạch tăng thêm lên thì phải, ai ngờ sự-thực lại không như vậy, lại dảm đi còn có 47,000 lượng bạc mà thôi. Báo-cáo nhà Đoan không thấy chép rõ những tính-chất của các thứ cơ-khí thế nào, hóa ra cái lý-do tự sao mà thêm bớt như vậy thiệt không thể tra xét được; hoặc giả cũng chỉ đổ lỗi tự chính-trị trong nước không được yên ổn chăng.

Tuy vậy mà cái tiền-đồ của những bọn kinh-tế nước Tàu cũng có một ngày khôi phục lại được, vì là ở trong nước Tàu đã có các thứ khoáng-sản thì ngày sau những sự phát-triển của mấy bạn thực-nghiệp chắc là to lớn lắm. Trong nội-địa Tàu và xứ Mãn-châu đều có mỏ-than cả. Tàu cũng kể là một nước nhiều mỏ-than thứ nhất trong thế-giới, kể toàn cả một nước cái diện-tích mỏ-than trước được đến 133.115 mẫu. Năm 1915, cái tổng ngạch những

Văn-minh mua được bằng tiền,
Vốn thì không mất lời liền thấy ngay.
Ai ôi! nên kíp mua ngay!!

than xuất sản ước có 18,000,000 ton. Thứ ngoại, còn những tỉnh Sơn-tây (là tỉnh nhiều mỏ sắt thứ nhất) Trực-lệ, Sơn-đông đều nhiều mỏ sắt lắm. Ở xứ Mãn-châu, có hai thứ mỏ, than và sắt, kể mỗi năm cái ngạch xuất sản những sắt ước có 468.638 ton. Năm 1915, một chỗ Đại-dã xuất-sản những sắt ước có 548,819 ton, kể sắt ở chỗ đó là một thứ sắt tốt thứ nhất trong thế-giới. Ở vùng thượng-du con sông Dương-tử và xứ Thiểm-tây xuất sản những dầu hỏa cũng nhiều lắm. Vân-nam là một tỉnh xuất sản những bạc nhiều hơn hết, và những mỏ đồng cũng nhiều, trong tỉnh suốt hai bên con sông Mông-tự cho thẳng đến Hương-cảng đều là những chỗ sản đồng cả. Năm 1915, tổng ngạch xuất sản những thiếc ước cọng được 7943 ton. Thứ mỏ thanh-mông (antimone) ở Hồ-nam xuất sản năm 1915 ước được 23. 172 ton, kể bình-quân lại mỗi năm ước có 28316 ton. Tàu vẫn có tiếng là nhiều mỏ vàng nữa, kể mỗi năm xuất sản các thứ kim-thuộc như

Vàng	ước	được	17,582	Lượng
bạc	»	»	107,155	»
Chì	»	»	13,527	ton
Đồng	»	»	10,963	»

Những bọn thực-nghiệp của Tàu đã sực thức dậy như vậy mà những người Tây ở Tàu lại có mấy cửa bể thông-thương làm chỗ căn-cứ, thì những sự buôn-bán Tàu với các nước bên Âu chắc là một ngày cứ một thịnh vượng thêm mãi. Nhưng cái thế-lực buôn bán của nước Pháp ta đối với Tàu hãy còn kém sút, chưa chiếm được cái ngôi đầu ở Tàu, thì cũng thiệt là khá tiếc lắm.

IV

Nguyên-nhân nước Pháp buôn bán ở Tàu kém sút

Người Pháp ở đất Tàu không phải là không có danh-giá, song cái thế-lực kinh-tế hình như còn kém sút là vì có những nguyên-nhân nhiều lắm. Cứ lời ông Magnoaid nói rằng những người đi làm Lĩnh-sự của Pháp cứ hay đổi chỗ luôn luôn ấy là một cái nguyên-nhân trọng-yếu khiến cho thương-nghiệp nước Pháp không được thịnh-vượng. Những Lĩnh-sự của ta ở yên một chỗ lâu đến 5, 6 năm ấy thiệt là ít thấy lắm. Mà làm quan lâu lâu tự hồi chức nhỏ thăng cho đến chức lớn cũng là một sự tuyệt không có trong họn ngoại-giao nước ta. Vì những cớ như vậy, hóa ra những quan đại-biểu của nước ta đóng tại nước nào thì đối với những ngôn-ngữ, tấp-quán, phú-nguyên và các mối lợi của nước ấy đều mơ-màng không tinh-tường cho lắm. Ngày nay đóng tại Bắc-kinh, thì ngày mai hoặc lại đổi đi Thượng-hải, thậm chí lại đổi đi Nam-Mĩ-châu vậy. Những người thân làm Lĩnh-sự mà đã lấy cái ngôi quan làm như cái nhà trạm vậy thì cái lòng lo làm chức-vụ tất-nhiên là đạm-bạc lắm. Không những như vậy đâu, Lĩnh-sự tại nơi nào phải nương-dựa những người nơi ấy làm người chỉ-dẫn, mà những người chỉ-dẫn ấy thường thì họ chỉ qui-hồ sơ sài cho xong chuyện, thậm chí họ lại có những lòng quỉ-quái nữa; bởi vậy Lĩnh-sự được những chuyện báo-cáo phần nhiều là không đích-thực cho lắm. Ông Magnoaid lại đem một cái lệ để làm chứng rằng: Cái động-cơ nội-loạn hồi năm 1900 và năm 1911 đều do ở

Nhà nước vay tiền ta,
Để mà dẹp giặc Đức.

Nghĩa-vụ là phải mua,
Hỡi người Trung, Nam, [illegible]

những giáo-sĩ các nơi báo-cáo cho Đại-biểu nước ta, rồi đó các Đại-biểu mới biết rõ được. Trước ba tháng cái sự cách-mạnh hồi năm 1911 xảy ra thì tôi (ông ấy tự xưng) đã đem cái tình-hình của bọn cách-mạnh vận động về mặt Thiềm-tây để báo-cáo cho công-sứ nước ta. Hồi tháng tám năm 1911, một chỗ Thiềm-tây, những giống cây thuốc-phiện trồng khắc mọi nơi, những nhà bán và hút thuốc-phiện thêm nhiều lắm, cái tình-hình tự trước đến giờ chưa thấy ; như vậy mà công-sứ nước ta lại lấy những lời rằng trồng thuốc bán thuốc, hút thuốc đã cấm tuyệt cả v. v. mà báo-cáo chính-phủ, thế chả hóa ra sai với sự thực xa lắm ư.

Lại xem những người buôn của nước ta đều không có đoàn-thể gì cả, thế cũng là một cái nguyên-nhân khiến cho thương-nghiệp nước ta ở Tàu không phát-đạt được. Vả lại sự thắng lợi về đằng thương-nghiệp và thực-nghiệp là vì ở mình biết làm cho vừa hợp cái sở thích của người ta chớ không phải là cứ đem cái của mình có mà ép đưa cho người ta được. Phổ-thông người nước Tàu tiền của thiệt là kém ít lắm, hóa ra cái sở-thích của họ cũng bất-quá những cái đồ thông thường giá tiền thiệt rẻ đó mà thôi. Vậy mà những người buôn nước ta cứ đem những đồ giá tiền thiệt đắt mà đưa bán cho họ, thì nghi-hồ phải thất bại.

Thử ngoại lại còn một cái nguyên-nhân không những là làm cho những bọn doanh-nghiệp của nước ta ở Tàu kêu ca, mà phàm những người đi buôn ở nước ngoài đều lấy làm khổ. Cái nguyên-nhân ấy là gì ? Tức là cái tiền cước vận-tải những hàng-hóa cực là đắt vậy. Cái giá tiền những đồ xuất khẩu của nước ta đã cao mà lại bị cái tiền cước vận-tải cực đắt, như vậy thì không biết rằng việc buôn bán của nước ta ở nước ngoài hà-do mà phát hiển được.

Những tầu buôn của nước ta không những là đòi tiền cước cao mà thôi; vả lại cái số tầu bè *đi lại* cực ít. Cái biểu ở dưới này là thống kế những tầu buôn vào các cửa bể đất Tàu thời năm 1915. Cứ xem trong cái biểu này mà đem cái số-ngạch và cái đốn-lượng (*tonnage*) của những tầu buôn các nước má so sánh thì biết rằng tầu buôn của nước ta ít lắm.

Biểu kể những tầu buôn nhập-khẩu nước Tàu.

Tên nước	Số tầu	Cân nặng bao nhiêu
Tàu —	18,279	2,633,947 tonneaux
Anh —	4,791	4,241,367 »
Nhật —	2,618	3,829,336 »
Nga —	763	413,810 »
Pháp —	191	234,818 »

(Còn nữa)

DƯƠNG TỰ-NGUYÊN *lai-cáo*

Đại-Pháp bảo-hộ ta,
Ân-nghĩa đầy ra đấy,
Vì giặc Đức hung-tàn,
Nghĩa-binh nên phải đấy.
Ai ôi ! giúp tiền vào ! !
Cho cuộc thắng mau thấy !
Miễn là báo ơn thấy,
Món tiền nhỏ là mấy !

THỜI-ĐÀM

VIỆC THẾ-GIỚI

Tin Âu-chiến. — Thắng! Thắng! Toàn-thắng! Cuộc toàn-thắng phen này thật quyết là về Đồng-minh rồi.

Kỳ trước bản-chí cũng đã từng báo tin thắng trận của Đồng-minh cho quốc-dân tường, nay xét từ ngày 15 tháng chín tây (Septembre) cho đến 15 tháng nay tình-thế càng ngày càng phát đạt. Ngay nào cũng có tin thắng ở chiến-địa báo về, có lẽ phen nay cũng gần đến hồi kết-cục vậy.

Xét ra số tù binh bắt được thời càng ngày càng nhiều mãi ra mà số đạt thu-phục lại cũng càng ngay càng rộng, nay ta chỉ kể những tin tức báo tới hôm nay, tính từ ngày mồng 10 tháng này (Octobre) mà đi cũng đủ rõ ràng: quân ta phen này đại-thắng vậy.

Theo điện-tín Paris lại thời ngày mồng 10 quân Đồng-minh đuổi riết quân giặc ở phía Đông Saint Quentin lại tiến được qua Beautroux và Fontaine-Notre-Dame.

Ở giọc sông Aisne quân Đồng-minh đã qua được sông, tại Champagne quân Đồng-minh chiếm được Monthentin, Lançon, Ciry.

Quân Anh chiếm được Sallaumines và Noyelles, ở giữa khoảng Somme và La Sensée, quân Đồng-minh tiến rất mau, bắt được 10000 tù binh, lại vào gần được Le Cateau: quân Mĩ đuổi riết quân giặc ở miền rừng Argonne, hợp được với quân Pháp ở Lançon, bắt được 2000 tù-binh.

Theo điện ngày 11 quân Đồng-minh vẫn cứ theo mặt Champagne mà tiến ở giọc sông Aisne, qua được Suippe và nhiều nơi khác nữa.

Đến ngày 12 tin lại rằng: Tại Champagne quân Đồng-minh tới trước giọc Retourne đường Pauvre-Vouziers, lại vào được Vouziers.

Lại tin ngày 13 rằng: trận Champagne vừa rồi quân giặc đại-bại, quân Đồng-minh bắt được 21567 tù-binh và 60 bộ súng đại-bác giữ được đường Aisne và qua được Retourne, tiến được 10 kilomètres đến Asfeld. Lại đi qua được Aisne tại Guiguicourt. Tại giữa khoảng sông Oise và sông Aisne quân giặc phải lùi, quân Đồng-minh chỉ còn cách Douai mấy kilomètres.

Điện ngày 14 thì rằng: Quân Đồng-minh chiếm được Laon, lại tiến được quá thành phố ấy những 5 kilomètres. Quân Anh tiến được ở phía nam và phía bắc Douai.

Đó là chuyện trọng về mặt Pháp mà nói, xem thế thời ngày nào Đồng-minh cũng được, quân Đức chỉ đâm đầu mà chạy thôi, không còn thi-thố cái ngón gì ra được nữa.

Còn các mặt khác đều được lợi cả, tù-binh bắt được nhiều lắm. Cái kế tằm ngầm của Đức hỏng rồi, cái kế súng dài cũng chẳng thành gì, nay lại quay ra cái kế đình-chiến với xin hòa. Đình-chiến không chắc đã xong, mà xin hòa thời lại không được, đầu mưu nói tốt với quan Giám-quốc Hoa-kỳ Wilson thế nào cũng chẳng thấy hiệu. Ôi! Điện-báo ngày mồng 5 tháng 10 nói quan Giám-quốc Hoa-kỳ trả lời Đức rằng: Đức mà muốn cho Hoa-kỳ đình-chiến thời Đức phải nói rõ-ràng rằng thủ-tướng Đức có phải thay mặt nước Đức mà cầu-hòa hay không? Mà Chính-phủ Đức có chịu hết các khoản yêu-cầu trong lời bá-cáo của quan Giám-quốc Hoa-kỳ ngày mồng 8 tháng giêng tây năm nay không? Nước Đức lại phải rút hết quân ở những nơi chiếm được. Còn như bây giờ thời chưa trả lời đó được. Thế thời cái vận-mệnh các nước Trung-ương (les Centraux) nguy biết là nhường nào. Mà Đồng-minh như thế là tỏ rằng phen này thừa thế đánh cho đến ngày toàn-thắng mới thôi. Nước Bulgarie chịu rồi, nước Turquie cũng không được quân Đức Áo cứu-viện nữa. Cho hay cờ tàn thời phấp mới hoàn, đến năm nay thời mới rõ được rằng: quân Đức, Áo phải bỏ giáp mà nấp dưới bóng cờ công-lý. Ta chắc từ nay mà đi sẽ được nhiều tin báo-tiệp vậy.

VIỆC TRONG NƯỚC

Nói về Quốc - Trái

Nhà-nước vay tiền dân. — Ta cứ xem những tin Âu-chiến mới sang trong tuần tháng trước và tháng này thời đủ biết Đồng-minh thắng thế lắm rồi. Vua Đức ngày đêm mong mỏi tin Đồng-minh cho hòa, quan Giám-quốc Hoa-kỳ Wilson lại không tin lời những nước Trung-ương (*les Centraux*) mà chỉ nhất quyết theo cho đến khi toàn thắng. Vậy thế cho nên nước Pháp ta mới phải kíp thừa cái thế thắng này mà làm cho mau đến sự toàn-thắng kia, mới phải đỗ một món tiền to để dùng làm binh-phí mà đánh tràn đi cho quân Đức. Ấo, Thổ dập gẫy mới là, mới phải vay tiền dân mà bán vé *quốc-trái*, thời đồng-bào Nam-Việt ta nên nhân cái dịp này mà vì văn-minh, vì công-lý, vì Bảo-hộ âu-quốc, cùng nhau hết lòng hết sức, người giầu giúp nhiều người khó giúp ít, kẻ mua dăm mười phiếu, người mua một hai phiếu, trước nữa là ăn lời sau ra để diệt trừ cho quân giã-man tiệt nọc, để cho thế-giới hòa-bình, vậy đồng bào ta nên xem thể-thức về quốc-trái sau này mà mỗi người đem tâm giúp vào cho thành hiệu-quả :

« Quốc-trái kỳ thứ tư

Đồng niên lãi bốn phân (4 %)
Giá mỗi phiếu 70 quan 8 tiền.
Thực lãi được 5 phân 65.
Nhận tiền tự 20 tháng mười tây đến 24 tháng mười một tây năm 1918

« Bá-cáo cho quốc-dân biết rằng sở Kho-bạc nhà nước Đông-dương bắt đầu nhận tiền mua vé *quốc-trái* từ ngày 20 tháng mười tây (Octobre) đến ngày 24 tháng mười một (Novembre) năm 1918 này là hết hạn. *Quốc-trái* lần này đồng-niên lợi-tức được là bốn phân (4 %), giá mỗi phiếu 70 quan 8 tiền, mà được kể lãi ngay từ ngày 16 tháng mười tây năm 1918 này mà đi. *Quốc-trái* lần này không định-hạn trước là vay bao nhiêu. Mà theo như số lợi-tức thời mỗi phiếu thực lãi đồng-niên được gần 6 phân (5 phân 65), người cho vay được hưởng lãi mãi mãi, chẳng phải chịu thuế gì về cái lãi ấy cả. Chẳng có rút bớt số tiền vốn, nộp bao nhiêu thời nhận cả, và trong 25 năm không có đổi.

« Ai cho Nhà-nước vay bao nhiêu cũng được, song (1.3) phải tính vốn sao được lãi ít ra cũng 4 quan tiền (Francs) trở lên, mà 5 quan, 6 quan hay càng nhiều càng tốt, nhưng phải cho số lãi chẵn quan đừng đến lẻ-loi. Có ba thứ vé như sau :

1° Vé chuyển trấp (*Au porteur*) ;
2° Vé phân đôi (*Mixte*) ;
3° Vé đích danh (*Nominatif*).

Phải nộp đủ ngay tiền.

Kho bạc nhận tiền hay nhận các hạng giấy như sau này :

1° Bạc đồng, bạc giấy của Đại-Pháp ;
2° Bạc đồng, bạc giấy của bản-xứ ;
3° Quốc-phòng trái-phiếu (*Bons de la Défense nationale*) đã mua hay đổi rồi tự trước ngày 20 tháng 10 năm 1918.

4° Vé quốc-trái cũ đã hết hạn hay là đến ngày 16 tháng chạp (Décembre) năm 1918 mới hết hạn.

Vé quốc-phòng (*Bons de la Défense nationale*) đã mua trước ngày 15 tháng chín (Septembre) năm 1918 mà đem nộp thời cũng có tính tăng giá lên cho. Vé 6 tháng và vé một năm thời tăng cho 5 lai (0 fr. 5 %) vé một thang và vé ba tháng thời thêm cho hai lai rưỡi (0 fr. 25 %).

Ngay nộp mà giá bạc nhà *Banque* có cao hơn giá bạc công-khố (Trésor) thời người nộp tiền được tính theo giá bạc nhà banque. »

Ấy ta xem kỹ cái thể thức đó thời đủ biết rằng ta cho nhà nước vay là có cả nghĩa lại được cả lợi, nay cái lợi này có nghĩa như thế, phàm giống người có huyết-khí ai lại chẳng làm. Bọn ta học đạo Khổng Mạnh mấy nghìn năm nay, Khổng phu-tử ta có dạy rằng : « Thấy nghĩa không làm thời là người nhát » 見義不爲無勇也, vậy anh em ơi, ta là dân chuộng *nghĩa* chớ nên chịu tiếng *vô dũng*, mà chẳng đem tiền mua vé quốc-trái, cho Âu-quốc ta là nước Đại-Pháp được sớm thu cuộc đại-thắng, hát khúc khải-ca, yên-cư lạc nghiệp, chẳng sướng lắm ru ? Phương ngôn ta có câu rằng : « *tham vàng bỏ nghĩa ai ơi, vàng thời ăn hết nghĩa đời nào quên ?* »

* * *

Bắc-kỳ tư-vấn nghị-hội. — (*Chambre consultative indigène*). — Sáng ngày

mồng 8 tháng mười tây (Octobre) mới rồi, hội Bắc-kỳ Tư-vấn nghị-hội (*Chambre consultative indigène*) họp tại nhà Nhạc-hội (Philharmonique) có quan Thống-sứ Saint Chaffray, ra khai hội, rồi các ông nghị-viên cùng với mấy quan tây có tên sau này đều dự-hội bàn bạc các việc : quan Đổng-lý phủ Thống-sứ Richard ; quan Cai-trị Dougnet, chánh tòa tư phủ Thống-sứ, quan Cai-trị nhị hạng Dailles, quan Bắc-kỳ học-chính Mus.

Quan Thống-sứ đọc một bài diễn-thuyết thật dài, rồi quan án Vũ-ngọc-Hoành đọc bản-dịch ra quốc-ngữ.

Ông Nguyễn-hữu Thu là nghị-trưởng cũng đọc bài diễn-thuyết. Rồi ông Bùi-đình-Tá là Thư-ký đọc lời điện của nghị-viện gửi cho quan Toàn-quyền, Lời điện rằng :

« *Bắc-kỳ tư-vấn nghị-hội, trong kỳ họp đại-hội đồng thường-trực này cậy quan Toàn-quyền chuyển đệ tấm lòng trung thành của nghị-viện về Dân-quốc Chính-phủ, và xin ngài chứng cho rằng nghị-viện trung-thành với ngài. Vậy xin ngài chuyển đệ về quan Thuộc-địa bộ Thượng-thư và quan Giám-quốc tấm lòng rất kính-ái của nghị-viện, và xin trình ngài rằng dân Việt-Nam vẫn đinh-ninh rằng Đại-Pháp và Đồng-minh toàn-thắng* ».

Chiều mồng 8 thời quan Cai-trị Dougnet đọc cho nghị-viên nghe các khoản chi thu về công khố của cả Bắc-kỳ.

Kỳ hội-đồng hôm mồng 9 thời quan học-chính Mus diễn giải các khoản về học-chính

Kỳ hội-đồng mồng 10 là quan-trọng nhất, hôm ấy bàn về sự đem hợp thuế đinh vào một không phân nội-tịch, ngoại-tịch, không trừ sưu hay tạp-dịch chi cả. Bản báo sẽ có bài luận riêng về việc ấy trong một số báo sau.

Đến ngày thứ sáu 11 thời nghị-viên giải tán Ông Nghị-trưởng Nguyễn-hữu-Thu có đọc một bài diễn thuyết.

Suốt cả Nghị-viên đều mừng rằng khi tan hội-đồng lại gặp ngay lúc nhà nước thắng-trận treo cờ kỷ-niệm ăn mừng. Nghị-viên bàn các việc rồi lại đồng-thanh theo-ý quan Thống-sứ đây mà quyết cổ-động việc quốc-trái để giúp nước Pháp phen này cho chóng thu cuộc thắng lớn để sớm hưởng sự hòa-bình.

* * *

Thượng-thẩm-viện Tổng-Đốc Thân-Trọng-Huề phu-nhân tạ thế. — Kỳ trước phần quốc ngữ đã in xong rồi bản-chí mới tiếp được cái ai-tín Thân-phu-nhân tạ-thế, cho nên không kịp đăng để bá cáo cho các nhà đọc báo được hay. Xin nhắc lại bây giờ.

Phu nhân húy là Như-Phiên 如 璠 con gái đức Kiên-Thái-Công, em gái của ba vua Đồng-Khánh Hàm-Nghi, Kiến-Phúc. Khi Phu-nhân còn nhỏ thời vua Tự-Đức là bác nuôi ở trong cung; theo học, đọc được sách làm được thơ có vẻ tử-thục ; về làm bạn với Thân-đại-nhân một niềm yêu kính, thường cùng chồng đối ngọn đèn khuya, hóng cơn-gió mát mà đàm trung luận-chính, vóc bồ liễu có vẻ râu mày! Không những là vợ hiền quan Thân mà cũng là bạn ích của ngài vậy, Từ khi Âu-chiến phu-nhân cùng các bà tây sung vào hội Hồng-thập-tự (*Croix Rouge*), cái lòng nhân-thiện cấp công xem đó đủ rõ. Phu-nhân năm nay 47 tuổi mất ở nhà riêng quan Tổng-Đốc ngày 24 tháng 8 năm Khai-Định thứ ba (Lịch tây là 28 tháng chín năm 1918) vào hồi 4 giờ 20 phút Đến 7 giờ sớm hôm 26 ta thời an-táng.

Bản-báo có soạn câu đối phúng, đã đăng ở phần chữ nho kỳ trước.

Ngày đầu mở Quốc-trái ở Đông-dương

(Chủ-nhật 20 tháng 10 năm 1918)

Ngày chủ-nhật 20 tháng 10 năm 1918, thực là một ngày hội lớn trong suốt cõi Đông-dương. Ngày ấy là ngày Nhà-nước Đại-Pháp bắt đầu mở cuộc Quốc-trái thứ tư. Đúng chín giờ sáng, ở năm nơi thủ-phủ của năm xứ trong cõi Đông-dương : Hà-nội, Huế, Sài-gòn, Nam-vang (Pnom-penh), Viên-chân (Vientiane), cùng cả các tỉnh-lị khác, súng bắn, [illegible]ng

khua, chuông kêu, chiêng nện, vang-lừng cả nơi thành-thị chốn nhà quê, báo cho nhân-dân biết rằng quân Nhà-nước hiện đương thắng trận và kho Nhà-nước hiện phải cần tiền để giúp cho quân chóng được toàn-thắng. Quan dân đâu đâu cũng nô-nức đem tiền đến các nhà kho bạc, nhà băng, nhà giây thép để mua vé quốc-trái. Ở Sài-gòn thì quan Toàn-quyền thân-hành đến mua vé trước nhất, rồi các quan tây quan ta, các thân-hào trong thành-phố, các nhà đại-thương, các người thường-dân, các người ngoại-quốc, người Khách, người Chà-và, chen vai nhau mà theo sau. Ở các đô khác thì các quan Thống-sứ, Khâm-sứ xướng-suất, rồi cả quan-dân nô-nức theo. Như ở Hà-nội buổi sáng hôm ấy không cảnh-tượng gì vui bằng : cả con đường bờ Hồ, con đường vườn hoa Paul-Bert đi đến nhà Kho bạc chánh, tấp-nập những kẻ đi người lại, vừa Tây vừa Nam, mặt mũi hớn-hở, vui vẻ vô cùng. Ở các tỉnh thì quan Công-sứ, quan chủ-tỉnh cũng xuất những quan liêu hào-mục, phú-hộ, điền-gia đến mua vé ở nhà kho bạc tỉnh. Thật là cử-quốc cùng nhau một lòng vui vẻ và việc nghĩa lại vừa là một việc lợi nữa. Nghe đâu chỉ trong một ngày thứ nhất ấy mà một Bắc-kỳ thâu được ngót 7 trăm vạn quan tiền tây. Vẻ-vang thay cho dân xứ Bắc !

Nay ta dịch mấy cái điện của phủ Toàn-quyền ở Sài-gòn thông-lục cho các báo thì đủ biết cái cảnh-tượng ngày 20 tháng 10 ở mấy nơi tỉnh-thành lớn Đông-dương thế nào.

Điện ngày 20 ở Sài-gòn nói rằng :

« Ngày nay là ngày bắt đầu mở Quốc-trái. Dân-gian vừa người Tây vừa « người Nam nhiệt-thành cổ-võ vô cùng. Trong thành-phố cắm cờ suốt cả. « Các nhà buôn ở đường Catinat trang-sức ngoài cửa rất đẹp. Thủy-quân « Lục-quân cùng các nhà riêng, người An-nam, người Khách, người Chà « dựng những bài-phường (*arcs de triomphe*) trong các đường phố nhiều « lắm. Tám giờ thì các thân-hào, quan-lại, có quan Toàn-quyền, quan Thống-« đốc Nam-kỳ, quan Đốc-lý thành-phố Sài-gòn, quan Thủy-quân-đại-tá « (*Commandant de la Marine*), quan Chánh Hội-đồng Quản-hạt, Cụ linh-« mục nhà thờ chánh, Cụ linh-mục đạo cải-lương, các quan chánh chủ các « h[illegible] các quan lãnh-sự các nước Đồng-minh, v. v. đến họp cả ở nhà-hội « [illegible]-phố (*Hôtel de Ville*), rồi sắp hàng đi một hàng dài, quan Toàn-quyền

« đi đầu, đến nhà kho-bạc, quan Chánh kho-bạc, các viên-chức nhà kho-bạc « cùng các ông chủ các nhà bằng ra đón. Trong đoàn chầy ấy có các viên « thay mặt lục-quân, thủy-quân, lại có bốn ngàn học-trò các trường vừa đi « vừa phất cờ Đồng-minh, lại có nhiều người An-nam thay mặt các hội, các « nhà buôn, người Khách, người Chà, người Bà-lai, người Cao-mên, người « Mọi, không thiếu một giống người nào. Đi qua trong phố phường, tới đâu « cũng những tiếng tung-hô, tiếng kèn hát điệu *Marseillaise* cùng điệu quốc- « ca các nước Đồng-minh. Súng đại-bác bắn, chuông nhà thờ kêu, còi tàu « thổi, chiêng chùa nện, báo cho nhân-dân biết nhà-nước mở quốc-trái. « Hoàng-đế Cao-mên thân mua 50 vạn quan tiền tây. Chiều hôm nay ở « Chợ-lớn cũng làm lễ như thế ».

Cứ đọc lời điện đó cũng đủ tưởng-tượng được cái lòng dân cổ-võ về sự quốc-trái và mến phục nhà-nước Đại-Pháp biết dường nào.

Ấy mới là ngày đầu. Nhưng quốc-trái còn mở những một tháng nữa, đến mãi ngày 24 tháng 11 mới hết hạn. Quốc-dân còn được rộng ngày mà mua, ai chưa sẵn tiền ngay có thể thư thả mà thu xếp để mua cũng kịp. Nhưng ai cũng phải mua mới là trọn nghĩa ; đã trọn nghĩa lại có lợi nữa, nghĩa lợi hòa hai, chẳng phải là một việc tốt lắm ru ?

* * *

Cũng đồng bạc biết tiêu thì quí,
Tiêu sao cho nghĩa lợi lưỡng tuyền,
Quốc-trái này thật là nên !

CANH-CHÍNH

Kỳ 15 tháng Septembre trước bài « *Ngẫm-cuộc-đời* » của ông Ngô-vi-Liễm **trong mục « Văn-xuôi » giang 168 giòng 20 bên hữu người xếp chữ đánh mất một đoạn, nguyên là :**

. . . . . đạo cơ-đốc truyền khắp bốn phương, mà Do-thái thành ra nước bội-đạo, các nước văn-minh ngày xưa cũng theo nhẽ quanh vòng như thế ; La-mã Hy-lạp là gốc văn-minh phương Âu mà bây giờ trong nước suy kém. . . . . — Giòng 28 chỗ *còn hơi* chính là *còn hơn*.

Giang 169 giòng thứ 5 bên tả sót một giòng :

. . . . . hình thức thì tinh-thần phụ vào đâu, bên Âu-châu thì gỡ

東洋法政學堂學生

Học-trò trường Pháp-chánh Đông-dương